



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)  
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0050190

(51)<sup>2020.01</sup> C11B 9/00; A61K 8/00; A61Q 13/00

(13) B

(21) 1-2022-00530

(22) 01/05/2020

(86) PCT/EP2020/062178 01/05/2020

(87) WO2020/165463 20/08/2020

(30) 1909221.2 27/06/2019 GB

(45) 25/08/2025 449

(43) 25/04/2022 409A

(73) GIVAUDAN SA (CH)

Chemin de la Parfumerie 5, 1214 Vernier, Switzerland

(72) BRIERE, Thomas (FR); BROOKS, Julia (GB); KONTARIS, Ioannis (GR); MAGEE, Kristopher George (GB); PLEYDELL-PEARCE, Christopher (GB).

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(54) PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHẾ PHẨM NƯỚC HOA THỬ NGHIỆM LÊN SỰ HÀI LÒNG CỦA ĐỐI TƯỢNG CON NGƯỜI VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HOẶC TỐI ƯU HÓA CHẾ PHẨM NƯỚC HOA

(21) 1-2022-00530

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp đánh giá tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng của đối tượng con người, cũng như phương pháp điều chế hoặc tối ưu hóa chế phẩm nước hoa để tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người, chế phẩm nước hoa mà tăng cường sự hài lòng, và sản phẩm tiêu dùng chứa chế phẩm nước hoa.

### **Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập**

Sáng chế đề cập đến phương pháp đánh giá tác động của chế phẩm nước hoa lên sự hài lòng của đối tượng con người, phương pháp điều chế hoặc tối ưu hóa chế phẩm nước hoa mà tăng cường sự hài lòng, chế phẩm nước hoa mà tăng cường sự hài lòng, cũng như các sản phẩm tiêu dùng chứa chế phẩm nước hoa.

### **Tình trạng kỹ thuật của sáng chế**

Sự hài lòng (hoặc chính xác hơn “sự hài lòng chủ quan”) là khái niệm phức tạp mà nói chung con người không thể nói rõ một cách dễ dàng. Phần lớn con người chỉ cân bằng sự hài lòng với cảm giác hạnh phúc, hoặc có thể là thư giãn. Đôi khi định nghĩa chính xác hơn của sự hài lòng sử dụng trong tài liệu chuyên ngành đề cập đến sự hài lòng dưới dạng sự đánh giá xúc cảm và nhận thức bởi một người trong cuộc sống của anh ta hoặc cô ta. Theo định nghĩa này, cái gọi là yếu tố “xúc cảm” đề cập đến tâm trạng và cảm xúc cá nhân. Tác động tích cực xuất hiện khi tâm trạng và cảm xúc trải qua là dễ chịu (ví dụ vui sướng, hân hoan, yêu mến, và tương tự), trong khi xúc cảm được cho là tiêu cực khi tâm trạng và cảm xúc trải qua là khó chịu (ví dụ tội lỗi, giận dữ, xấu hổ, và tương tự). Theo tâm lý học, người trải qua tâm trạng hạnh phúc khi sự cân bằng xúc cảm là sao cho tác động tích cực có ảnh hưởng lớn hơn tác động tiêu cực.

Yếu tố quan trọng khác của sự hài lòng chủ quan – được gọi là yếu tố “nhận thức” – đề cập đến sự đánh giá của con người về sự thỏa mãn trong cuộc sống của anh ta hoặc cô ta theo thuật ngữ chung (ví dụ cuộc sống nói chung) và theo thuật ngữ riêng, như đối với sự thỏa mãn trong các mối quan

hệ cá nhân, một sự kiểm soát có ảnh hưởng đến cuộc sống của một người, ý nghĩa mục đích nhận thấy của một người, và tương tự.

Sự hài lòng thường được đánh giá bằng cách sử dụng các phương pháp tự báo cáo, thường ở dạng bảng câu hỏi.

Người trả lời được hỏi một loạt câu hỏi, mỗi câu hỏi liên quan đến sự thích hợp chuẩn đo với một trạng thái chủ quan khác mà được xem là có ảnh hưởng lên yếu tố xúc cảm hoặc nhận thức của sự hài lòng. Điều này có thể bao gồm các trạng thái chủ quan mà có tác động tích cực hoặc tiêu cực lên sự hài lòng chủ quan, ví dụ sự buồn bã, mệt mỏi, nhẫn nại, chọc tức, và tương tự. Đối với mỗi câu hỏi, ví dụ thuộc loại “bạn buồn?”, người trả lời được hỏi để đánh giá sự nhẫn nại của mỗi trạng thái chủ quan trên thang điểm đánh giá giữa các thái cực, ví dụ từ rất không kiên nhẫn đến rất kiên nhẫn. Bằng cách cho dữ liệu trả lời của người trả lời qua phân tích thống kê thì có thể định lượng sự hài lòng. Theo cách này, nhiều chỉ số đã được phát triển để đánh giá sự hài lòng và các khái niệm liên quan. Tuy nhiên, kiến thức mà các câu hỏi yêu cầu có thể tác động đáng kể đến độ tin cậy của các phương pháp đánh giá như vậy.

Biện pháp đáng tin cậy để đo hoặc đánh giá sự hài lòng chủ quan rất được mong muốn do tầm quan trọng kinh tế, chính trị và xã hội gắn với thông số hài lòng từ cuối thế kỷ 20. Gần đây, sự hài lòng cũng đã có tầm quan trọng gia tăng dưới dạng thông số thiết kế trong sự phát triển và thương mại hóa của các sản phẩm tiêu dùng, như sản phẩm chăm sóc đồ giặt, sản phẩm chăm sóc gia đình và sản phẩm chăm sóc cá nhân. Các nhà sản xuất các sản phẩm này nhận thấy rằng người tiêu dùng hiện đại tìm kiếm trải nghiệm cảm xúc từ các sản phẩm mà họ mua, và họ đặc biệt quan tâm đến các nhãn hiệu với đó họ cảm thấy có liên hệ cá nhân và tạo cho họ cảm giác sức khỏe và sự hài lòng.

Nước hoa đã được sử dụng rộng rãi bởi các công ty sản xuất sản phẩm tiêu dùng để tạo cho sản phẩm của họ mùi được ưa thích dễ chịu mà thúc đẩy sự ưa thích của người tiêu dùng và tác động đến quyết định mua vì lý do này.

Tuy nhiên, trong thị trường cạnh tranh gia tăng, chỉ sự ưa thích thường không đủ để tạo khác biệt cho một nhãn hiệu so với các đối thủ cạnh tranh của nó. Do vậy, trong việc triển khai sản phẩm của họ trên thị trường, các công ty sản xuất sản phẩm tiêu dùng thường đề cập đến các lợi ích sản phẩm phạm vi rộng, thường được truyền thông nhờ các chiến dịch quảng cáo khác nhau, cũng như trong việc bao gói và dán nhãn sản phẩm của họ, cùng nhau tạo ra một phần quan trọng trong chiến lược tạo thương hiệu của họ. Các tác dụng phân biệt mới được tìm kiếm liên tục, và các hương thơm đã thường được dùng làm biện pháp để đạt được các tác dụng này. Ví dụ, nước hoa đã được dùng để tạo ra các tác dụng chức năng thực hoặc tác dụng chức năng được nhận thức mà có thể liên quan đến sự chăm sóc miệng, như tác dụng vệ sinh, tác dụng khử mùi hôi và tương tự.

Ngoài các tác dụng chức năng của nó, mùi và mùi vị được biết khêu gợi các phản ứng cảm xúc ở đối tượng con người. Các tác dụng sinh lý có lợi tạm thời của mùi lên cảm xúc con người đã được nghiên cứu rộng rãi trong tài liệu chuyên ngành. Ví dụ, tác dụng của mùi lên trải nghiệm xúc cảm (tức là cảm xúc) của đối tượng con người đã được nghiên cứu bởi C. Chrea và các đồng tác giả (2009), "Mapping the semantic space for the subjective experience of emotional responses to odours", *Chemical Senses*, 34 (2009) 49-62 và S. Delplanque và các đồng tác giả "How to map the affective semantic space of Scents", *Cognition & Emotion* 26(5) (2012) 885-898. Cụ thể, các bài báo này mô tả phương pháp đánh giá theo ngôn ngữ ở dạng bảng câu hỏi, trong đó các thuật ngữ đánh giá được lựa chọn sao cho có thể phân biệt tâm trạng và cảm xúc khác nhau gợi lên bởi các mùi tỏa ra từ sản phẩm thơm và được tạo mùi thơm. Tuy nhiên, trong các bài này, khía cạnh nhận

thức của sự hài lòng bị đánh giá thấp và giới hạn ở khía cạnh trí nhớ kết hợp với chức năng khứu giác.

Tài liệu sáng chế cũng mô tả chế phẩm nước hoa để sử dụng trong các sản phẩm tiêu dùng mà được thiết kế cụ thể để tạo ra các trạng thái tâm trạng dễ chịu (xem ví dụ WO 2008/050086 A1) và chất lượng sức khỏe (xem ví dụ WO 2016/146673 A1). Tuy nhiên, tất cả các tài liệu tham khảo theo giải pháp kỹ thuật đã biết này chỉ đề cập đến các khía cạnh cảm xúc riêng biệt của sự hài lòng (ví dụ sự hạnh phúc hoặc chất lượng sức khỏe), mà thực tế không giải quyết cả khía cạnh xúc cảm lẫn nhận thức của sự hài lòng dưới dạng khái niệm tổng thể.

Bởi vậy, cần có phương pháp đánh giá tác động của chế phẩm thơm lên sự hài lòng chủ quan của đối tượng con người, cũng như phương pháp điều chế và tối ưu hóa chế phẩm nước hoa mà tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người.

### **Bản chất kỹ thuật của sáng chế**

Theo khía cạnh thứ nhất, sáng chế đề xuất phương pháp đánh giá tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng của đối tượng con người, phương pháp này bao gồm các bước:

a) cho một hoặc nhiều đối tượng con người đánh giá sự hài lòng của họ khi không có chế phẩm nước hoa thử nghiệm bằng cách cho điểm nhiều thuộc tính hài lòng;

i) trong đó các thuộc tính hài lòng bao gồm "không lo âu", "không buồn", "không bồn chồn", "không nản lòng", "không căng thẳng", "vui sướng", "lạc quan", "phấn khích", "thỏa mãn", "kích thích", "được tiếp sinh lực", "thích thú", "không buồn chán", "không mệt mỏi", "hoạt bát tinh thần", "thanh thản", "thoải mái", và "kiên nhẫn"; và

ii) trong đó mỗi thuộc tính hài lòng có một trọng số;

b) tính điểm hài lòng cơ sở khi không có chế phẩm nước hoa thử nghiệm bằng cách nhân điểm của mỗi thuộc tính hài lòng với trọng số tương ứng để tạo ra tích số và tính tổng các tích số này trên tất cả các thuộc tính hài lòng;

c) lặp lại các bước a) và b) với sự có mặt của chế phẩm nước hoa thử nghiệm để xác định điểm hài lòng với chế phẩm nước hoa thử nghiệm; và

d) xác định tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng bằng cách trừ điểm hài lòng cơ sở từ điểm hài lòng với chế phẩm nước hoa thử nghiệm.

Theo khía cạnh thứ hai, sáng chế đề xuất phương pháp điều chế hoặc tối ưu hóa chế phẩm nước hoa để tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người, phương pháp này bao gồm các bước:

a-d) đánh giá tác động của một hoặc nhiều chế phẩm nước hoa lên sự hài lòng của đối tượng con người theo phương pháp nêu trên; và

e) lựa chọn chế phẩm nước hoa có tác động tích cực lên sự hài lòng.

Theo khía cạnh thứ ba, sáng chế đề xuất chế phẩm nước hoa được điều chế hoặc tối ưu hóa theo phương pháp xác định ở trên, chứa các thành phần nước hoa từ ít nhất ba nhóm, mỗi nhóm có một mùi thuộc tính khác nhau, trong đó các thuộc tính mùi của các nhóm được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, “trái cây-mứt”, “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh” và “cay-đỉnh hương”; tốt hơn nếu từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc” và “trái cây-mứt”.

Theo khía cạnh thứ tư, sáng chế đề xuất sản phẩm tiêu dùng chứa chế phẩm nước hoa theo sáng chế và chất cơ bản thích hợp.

Theo khía cạnh thứ năm, sáng chế đề xuất việc sử dụng chế phẩm nước hoa theo sáng chế để tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người.

### **Mô tả chi tiết sáng chế**

Trong việc giải quyết các vấn đề của giải pháp kỹ thuật đã biết, người nộp đơn đã thực hiện các nghiên cứu rộng về quan hệ giữa chế phẩm thơm chăm sóc miệng và sự hài lòng của đối tượng con người, sử dụng sự đánh giá tâm lý, thử nghiệm người tiêu dùng và phân tích thống kê.

Cụ thể hơn, người nộp đơn đề xuất biện pháp để đánh giá theo cách tin cậy tác động của chế phẩm thơm chăm sóc miệng về sự hài lòng bởi bảng câu hỏi mà phân chia khái niệm hài lòng thành các thuộc tính chính có tác động lên yếu tố xúc cảm hoặc nhận thức của sự hài lòng. Các thuộc tính chính được xác định theo cách mà phản ánh tầm quan trọng tương đối của mỗi thuộc tính với khái niệm tổng thể của sự hài lòng.

Phương pháp theo sáng chế đặc biệt nhạy và có thể phát hiện nhận thức khó phát hiện đặc tính nước hoa đối với sự hài lòng, mà mặt khác có thể được ẩn dưới âm thanh ưa thích hoặc cường độ nước hoa nếu nước hoa được thử nghiệm bằng cách sử dụng các phương pháp thử nghiệm người tiêu dùng chuẩn. Theo cách này, các phương pháp của sáng chế cung cấp công cụ chế tạo hữu dụng để cho phép người tạo ra chế phẩm nước hoa giảm số bước lặp thiết kế cần để đạt được chế phẩm nước hoa mong muốn.

Chuẩn đo mức độ hài lòng được xác định bằng cách áp dụng tâm lý học thử nghiệm và tạo nhóm không giám sát với thuộc tính theo ngôn ngữ của sự hài lòng để nhận biết các kích thước thích hợp nhất để đánh giá sự hài lòng. Các thuộc tính hài lòng tính đến các khía cạnh khác nhau của sự hài lòng, như khía cạnh xúc cảm, an lạc, xã hội, và vật lý. Các khía cạnh này có thể có cả thành phần xúc cảm (cảm xúc) và nhận thức (lý trí).

Các thuộc tính hài lòng theo ngôn ngữ thông thường bao gồm, ví dụ, "tích cực", "phiêu lưu", "tức giận", "lo âu", "xấu hổ", "buồn chán", "thanh thản", "cẩn thận", "nhạy bén", "thoải mái", "tự tin", "hài lòng", "táo bạo", "chán nản", "chán ghét", "mạnh mẽ", "hăng hái", "phấn khích", "sợ hãi", "thất

vọng", "vui sướng", "khỏe mạnh", "bốc đồng", "kiểm soát trạng thái của bạn", "bấp bênh", "thích thú", "tức tối", "được tiếp sinh lực", "cô lập", "vui sướng", "cô đơn", "yêu quý", "hoạt bát tinh thần", "kích thích", "lo lắng", "lạc quan", "kiên nhẫn", "thoải mái", "thư thái", "thao thức", "buồn", "an toàn", "thỏa mãn", "e dè", "tự trọng", "dễ gần gũi nếu trong môi trường xã hội", "bị căng thẳng", "được ủng hộ", "ngạc nhiên", "đe dọa", "mệt mỏi", "không yên", "có thể bị tổn thương", "sự hài lòng", "xứng đáng" hoặc "lo lắng".

Trong quá trình nghiên cứu, 18 thuộc tính theo ngôn ngữ được thấy chịu trách nhiệm cụ thể về sự thay đổi nhận thức hài lòng kết hợp với sự xuất hiện của chế phẩm nước hoa và với sự thay đổi của chất lượng nước hoa. Do đó, các thuộc tính này đặc biệt thích hợp để nghiên cứu cách nước hoa có thể tác động đến sự hài lòng của đối tượng con người. Các thuộc tính này là: "không lo âu", "không buồn chán", "thanh thản", "phấn khích", "không mệt mỏi", "không nản lòng", "vui sướng", "thích thú", "được tiếp sinh lực", "hoạt bát tinh thần", "kích thích", "lạc quan", "kiên nhẫn", "thoải mái", "thao thức", "không buồn", "thỏa mãn", và "không căng thẳng". 18 thuộc tính hài lòng được gọi là thuộc tính WB-18 sau đây.

Bất ngờ là, thuộc tính hài lòng liên quan đến các khía cạnh xã hội, như "xấu hổ", "cô lập", "cô đơn", "yêu quý", "dễ gần gũi nếu trong môi trường xã hội", "được ủng hộ", và "xứng đáng", được thấy không thích hợp hoặc không thể áp dụng trong trường hợp của chế phẩm nước hoa. Vì vậy, các thuộc tính WB-18 chủ yếu tính đến cả khía cạnh xúc cảm (cảm xúc) lẫn nhận thức (lý trí) của cá nhân đơn độc.

Trọng số của các thuộc tính hài lòng được xác định như sau:

a) cho một hoặc nhiều đối tượng con người đánh giá sự hài lòng của họ trước khi đánh răng và khi không có chế phẩm thơm chăm sóc miệng thử nghiệm bằng cách cấp điểm hài lòng  $wb_i$  cho mỗi thuộc tính WB-18;

b) áp dụng sự phân tích hệ số, cụ thể phân tích thành phần chính, trên các điểm hài lòng thu được trong bước a), để xác định tác động của mỗi thuộc tính hài lòng lên sự hài lòng tổng thể, dẫn đến M hệ số hài lòng  $F_j$ ;

i) trong đó mỗi hệ số hài lòng  $F_j$  có phương sai  $v_j$  được biểu thị dưới dạng tỷ lệ phần trăm của tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng;

ii) trong đó mỗi hệ số hài lòng  $F_j$  bao gồm số hữu hạn  $n_j$  của thuộc tính hài lòng, có tải  $l_i$ , được biểu thị dưới dạng tỷ lệ phần trăm của  $n_j$  tải; và

iii) trong đó không một thuộc tính hài lòng nào xuất hiện trong nhiều hơn một hệ số hài lòng; và

c) tính điểm hài lòng khi không có chế phẩm thom chăm sóc miệng thử nghiệm theo Công thức 1:

$$WB_0 = \sum_1^M v_j F_{j,0} = \sum_1^M v_j \sum_1^{n_j} l_i w b_i \quad (\text{Công thức 1}).$$

Sự phân tích thành phần chính cho thấy rằng:

- các thuộc tính hài lòng "không lo âu", "không buồn", "không bồn chồn", "không nản lòng", "không căng thẳng" được kết hợp với hệ số hài lòng thứ nhất  $F_1$  có phương sai  $v_1$ ;

- các thuộc tính hài lòng "vui sướng", "lạc quan", "phân khích", "thỏa mãn", phương sai  $v_1$  "kích thích", "được tiếp sinh lực" được kết hợp với hệ số hài lòng thứ hai  $F_2$  có phương sai  $v_2$ ;

- các thuộc tính hài lòng "thích thú" và "không buồn chán" được kết hợp với hệ số hài lòng thứ ba  $F_3$  có phương sai  $v_3$ ;

- các thuộc tính hài lòng "không mệt mỏi" và "hoạt bát tinh thần" được kết hợp với hệ số hài lòng thứ tư  $F_4$  có phương sai  $v_4$ ;

- các thuộc tính hài lòng "thanh thản", "thoải mái", và "kiên nhẫn" được kết hợp với hệ số hài lòng thứ năm  $F_5$  có phương sai  $v_5$ ;

- phương sai  $v_1$  là 48% tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng;

- phương sai  $v_2$  là 24% tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng;

- phương sai  $v_3$  là 12% tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng;
- phương sai  $v_4$  là 9% tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng; và
- phương sai  $v_5$  là 7% tổng phương sai của tất cả các hệ số hài lòng.

Còn được thấy rằng,

- trong hệ số hài lòng thứ nhất  $F_1$ , tải của thuộc tính hài lòng “không lo âu” là 22,2%, tải của thuộc tính hài lòng “không buồn” là 21,5%, tải của thuộc tính hài lòng “không bồn chồn” là 20,5%, tải của thuộc tính hài lòng “không nản lòng” là 20,1%, và tải của thuộc tính hài lòng “không căng thẳng” là 15,7%;

- trong hệ số hài lòng thứ hai  $F_2$ , tải của thuộc tính hài lòng “vui sướng” là 19,6%, tải của thuộc tính hài lòng “lạc quan” là 19,2%, tải của thuộc tính hài lòng “phấn khích” là 17,2%, tải của thuộc tính hài lòng “thỏa mãn” là 16,3%, tải của thuộc tính hài lòng “kích thích” là 13,9%, và tải của thuộc tính hài lòng “được tiếp sinh lực” là 13,8%;

- trong hệ số hài lòng thứ ba  $F_3$ , tải của thuộc tính hài lòng “thích thú” là 51,0%, và tải của thuộc tính hài lòng “không buồn chán” là 49,0%;

- trong hệ số hài lòng thứ tư  $F_4$ , tải của thuộc tính hài lòng “không mệt mỏi” là 51,0%, và tải của thuộc tính hài lòng “hoạt bát tinh thần” là 49,0%; và

- trong hệ số hài lòng thứ năm  $F_5$ , tải của thuộc tính hài lòng “thanh thản” là 38,0%, tải của thuộc tính hài lòng “thoải mái” là 32,0%, và tải của thuộc tính hài lòng “kiên nhẫn” là 30,0%.

Do đó, theo một phương án của sáng chế, mỗi thuộc tính hài lòng có trọng số theo bảng sau:

| Thuộc tính hài lòng | Trọng số | Thuộc tính hài lòng  | Trọng số |
|---------------------|----------|----------------------|----------|
| “không lo âu”       | 10,65%   | “kích thích”         | 3,34%    |
| “không buồn”        | 10,32%   | “được tiếp sinh lực” | 3,31%    |
| “không bồn chồn”    | 9,84%    | “thích thú”          | 6,12%    |

|                    |       |                      |       |
|--------------------|-------|----------------------|-------|
| “không nản lòng”   | 9,65% | “không buồn chán”    | 5,88% |
| “không căng thẳng” | 7,54% | “không mệt mỏi”      | 4,59% |
| “vui sướng”        | 4,70% | “hoạt bát tinh thần” | 4,41% |
| “lạc quan”         | 4,61% | “thanh thản”         | 2,66% |
| “phấn khích”       | 4,13% | “thoải mái”          | 2,24% |
| “thỏa mãn”         | 3,91% | “kiên nhẫn”          | 2,10% |

Tốt hơn nếu các chế phẩm nước hoa mà không được thích bởi những người đánh giá được loại ra khỏi danh sách các chế phẩm nước hoa thử nghiệm cần được đánh giá, vì các chế phẩm nước hoa này không thể tạo ra tác động tích cực lên sự hài lòng. Mức độ thích của các chế phẩm nước hoa thử nghiệm còn lại có thể vẫn thay đổi theo thang điểm định trước. Ví dụ, từ vùng có thể được sử dụng để định nghĩa sự thích, như “tôi thích nước hoa này một chút”, “nước hoa này tốt” hoặc “tôi yêu nước hoa này”. Tốt hơn nếu mức độ thích có thể được biểu thị bằng cách di chuyển nút trượt trên khoảng thích liên tục, ví dụ từ 1 (Tôi rất không thích nó) đến 9 (Tôi rất thích nó). Con trượt có thể là thiết bị vật lý hoặc ảo, ví dụ trên màn hình cảm ứng số.

Tương tự, có lợi nếu con trượt có thể được sử dụng để tính điểm các thuộc tính hài lòng nêu trên. Trong trường hợp này, tốt hơn nếu thang điểm liên tục dưới chuyển động của con trượt đi từ điểm rất tiêu cực đến điểm rất tích cực. Tốt hơn nếu sự dịch chuyển gây ra bởi cường độ chế phẩm nước hoa có thể thay đổi được loại bỏ bằng cách pha loãng chế phẩm nước hoa mạnh, sao cho tất cả chế phẩm nước hoa thử nghiệm gần như có cùng cường độ hoặc nồng độ.

Vì vậy, theo một phương án của sáng chế, nồng độ của chế phẩm nước hoa thử nghiệm cũng được đánh giá bởi đối tượng con người, cho dù sự chăm sóc đã được thực hiện để cân bằng nồng độ của các chế phẩm nước hoa thử nghiệm.

Bằng cách thực hiện đánh giá hài lòng trên nhiều chế phẩm nước hoa được ưa thích thông thường ở nồng độ tương đương, bất ngờ là đã thấy rằng phương sai của tác động lên sự hài lòng có tương quan không với phương sai thích nước hoa, hoặc cũng không với phương sai của nồng độ nước hoa như được nhận thức bởi đối tượng con người riêng biệt. Điều này được thể hiện trong ví dụ 3. Bởi vậy, tác động tích cực lên sự hài lòng là độc lập với sự thích chế phẩm nước hoa. Đây là kết quả quyết định, mà không thể được dự đoán bởi người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này. Ưu điểm ngay lập tức của điều này đó là khiến cho có thể làm sáng tỏ các chức năng ẩn trong các nghiên cứu tiêu dùng mà mặt khác sẽ bị bỏ qua.

Theo một phương án, phương pháp theo sáng chế còn bao gồm các bước:

f) so sánh các thành phần nước hoa có trong chế phẩm nước hoa có tác động tích cực lên sự hài lòng;

g) nhận biết các thuộc tính cảm nhận chung với các chế phẩm nước hoa này; và

h) tạo ra chế phẩm nước hoa mới với tỷ lệ gia tăng của thành phần nước hoa với các thuộc tính cảm nhận được nhận biết trong bước g).

Chế phẩm nước hoa và các thành phần nước hoa riêng biệt có thể khác biệt bởi các thuộc tính mùi của chúng. Mặc dù sự tạo ra nước hoa là khoa học một phần và nghệ thuật một phần, và nhưng không có định nghĩa quy định tuyệt đối về các thuộc tính cảm nhận của các chế phẩm nước hoa và thành phần nước hoa, tuy nhiên các chuyên gia nước hoa được đào tạo, nhận thấy rằng sẽ có giới hạn đối với tính chủ quan nào đó, sẽ có thể gán một bộ mô tả mùi chung và một họ cho các chế phẩm và các thành phần nước hoa.

Các họ mùi tạo ra sự mô tả chung của không gian mùi, và số lượng của chúng thường bị giới hạn. Vì vậy, phần lớn các thành phần sử dụng trong việc sản xuất nước hoa và đặc biệt hữu dụng trong phạm vi của sáng chế có thể

được mô tả bởi tập hợp nhỏ các họ mùi được chọn từ nhóm gồm “aldehyt”, “hồ phách”, “động vật”, “thơm/cỏ”, “chanh”, “hoa”, “trái cây”, “xanh”, “xạ hương”, “cay”, “ngọt”, “nước”, và “gỗ”.

Bộ mô tả mùi đưa ra sự mô tả chính xác hơn mùi của chế phẩm nước hoa hoặc thành phần nước hoa trong một họ. Chúng là phong phú hơn và số lượng và tính đa dạng của chúng thường không bị giới hạn. Trong phạm vi của sáng chế, số lượng của bộ mô tả mùi đã bị giới hạn ở số lượng tối thiểu của chi tiết theo ngôn ngữ, gồm "vị aldehyt", "hạnh nhân", "hồ phách khô", "long diên hương", "ngải giấm mùi hôi", "táo", "ngải", "nhựa thơm", "chuối", "phúc bồn đen", "bơ", "mút", "hạt thì là Ba tư", "gỗ tuyết tùng", "quế", "sả", "đinh hương", "cacao", "dừa", "quả thông", "đường chung", "nhựa copaiba", "lá mùi", "dưa chuột", "khuynh diệp", "phân", "lan Nam Phi", "kẹo cao su thơm", "bưởi chùm", "cỏ", "vòi voi", "hoa nhài", "oải hương", "lá cây", "da", "chanh vàng", "cam thảo-cỏ cà ri", "linh lan", "chanh xanh", "rượu", "vải", "quýt", "xoài", "thuốc", "dưa hấu", "kim loại", "kem sữa", "mật đường", "rêu", "nấm", "xạ hương", "xạ hương tonkin", "quả hạch", "cam", "hoa cam", "irit thơm", "chanh dây", "hoắc hương", "đào", "lê", "bạc hà cay", "dứa", "mâm xôi", "đại hoàng", "hoa hồng", "hương thảo", "gỗ đàn hương", "nước biển", "nắng", "dâu tây", "terpen", "cỏ xạ hương", "đậu tonka", "vani", "cỏ hương bài", "vi ô lét", và "sáp".

Sự lựa chọn họ mùi và bộ mô tả mùi này cho phép người sản xuất nước hoa được đào tạo phân biệt mùi của tất cả các thành phần nước hoa chứa trong bảng pha của người sản xuất nước hoa. Tuy nhiên, đối với người sản xuất nước hoa được đào tạo, việc đọc toàn bộ nội dung của bản mô tả này cùng với kiến thức thông thường chung của họ sẽ không là gánh nặng quá mức để cải biến một phần hoặc toàn bộ từ vựng này quanh đó có tính chủ quan, và sự cải biến như vậy sẽ không tác động đến việc lựa chọn các thành phần nước hoa hữu dụng để tác động tích cực đến sự nhận thức hài lòng.

Tập hợp của các họ mùi và bộ mô tả có thể được so sánh với kích thước của không gian mùi đa hướng.

Mùi tổng thể của chế phẩm nước hoa có thể được biểu thị dưới dạng tổng trọng số của sự đóng góp các thuộc tính mùi của các thành phần nước hoa riêng biệt chứa trong chế phẩm nước hoa. Vì bậc cao của mùi, nên có thể thích hợp nếu làm giảm bậc cao này bằng cách áp dụng các phương pháp thống kê như phân tích thành phần chính, bản đồ nhiều thang đo hoặc bản đồ tự tổ chức. Tốt hơn nếu sự phân tích thành phần chính (PCA) được sử dụng.

Giờ đây người nộp đơn đã phát hiện rằng các thuộc tính mùi nhất định tác động đến sự hài lòng tích cực hơn so với các thuộc tính khác và rằng sự phân loại của các thành phần nước hoa theo vị trí của chúng trong không gian mùi và tác động lên sự nhận thức hài lòng là có thể thực hiện được.

Cụ thể, đã thấy rằng chế phẩm nước hoa có các thuộc tính mùi như “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “trái cây-mứt”, “hoa-thuốc”, và “động vật-phân” có tác động rất tích cực lên sự hài lòng, trong khi nước hoa có các thuộc tính mùi như “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh”, và “cay-đinh hương” có tác động ít hơn. Các kết quả này cũng có thể được xem là bất ngờ đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này, cụ thể đối với người đánh giá và người sản xuất nước hoa, người sẽ không dự tính rằng các thuộc tính mùi giống “hoa-thuốc” và “động vật-phân” có tác động tích cực lên sự hài lòng lớn hơn so với “cay-quế” hoặc “chanh-chanh xanh” tác động.

Do đó, theo một phương án sáng chế, tỷ lệ của một hoặc nhiều thành phần nước hoa có các thuộc tính mùi được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, “trái cây-mứt”, “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh” và “cay-đinh hương” được gia tăng trong bước h); tốt hơn nữa nếu một hoặc nhiều thành phần nước hoa

có các thuộc tính mùi được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc” và “trái cây-mứt”.

Vì vậy, sáng chế đề xuất cho người sản xuất nước hoa được đào tạo cách điều chế các chế phẩm nước hoa theo đó họ có thể nhanh chóng đạt được chế phẩm nước hoa mà sẽ tạo ra hoặc được kết hợp với sự tăng hài lòng. Các tác động được tuyên bố đủ để chúng có thể được đo theo cách đáng tin cậy và tái tạo được. Chế phẩm nước hoa được tạo ra theo đề xuất bộc lộ ở đây là dễ chịu khoan khoái, thích hợp cho phạm vi rộng các sản phẩm tiêu dùng, và có tính dễ chịu/tính chấp nhận đủ để chúng sẽ là thích hợp cho dù chúng không có chức năng bổ sung.

Phương pháp theo sáng chế đã được thấy là cho phép điều chế hoặc tối ưu hóa các chế phẩm nước hoa để tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người bằng cách:

- thúc đẩy sự giảm tính tiêu cực, tức là đối tượng báo cáo cảm giác lo âu, buồn, thao thức, thất vọng và/hoặc căng thẳng như thế nào; và/hoặc
- thúc đẩy sự tăng tính tích cực, tức là đối tượng báo cáo cảm giác vui sướng, lạc quan, phấn khích, thỏa mãn, kích thích và/hoặc được tiếp sinh lực như thế nào; và/hoặc
- thúc đẩy sự tăng quan tâm, tức là đối tượng báo cáo cảm giác thích thú nhiều hơn và/hoặc buồn chán ít hơn như thế nào; và/hoặc
- thúc đẩy sự giảm mệt mỏi, tức là đối tượng báo cáo cảm giác mệt mỏi ít hơn và/hoặc hoạt bát tinh thần nhiều hơn như thế nào; và/hoặc
- thúc đẩy sự tăng tính thanh thản, tức là đối tượng báo cáo cảm giác thanh thản, thoải mái và/hoặc kiên nhẫn như thế nào.

Sáng chế cũng đề xuất chế phẩm nước hoa chứa các thành phần nước hoa tăng cường sự hài lòng được lựa chọn bởi các phương pháp được mô tả ở đây. Cụ thể, sáng chế cho phép người sản xuất nước hoa được đào tạo:

i) so sánh các thành phần nước hoa chứa trong chế phẩm nước hoa được thấy có tác động tích cực lên sự hài lòng ở đối tượng con người;

ii) nhận biết các thuộc tính mùi chung với các thành phần nước hoa này; và

iii) đề xuất chế phẩm nước hoa mới chứa lượng tăng của các thành phần có các thuộc tính mùi được nhận biết trong bước b).

Sáng chế đề xuất chế phẩm nước hoa để tăng cường sự hài lòng, chứa các thành phần nước hoa từ ít nhất ba nhóm, mỗi nhóm có một thuộc tính mùi khác nhau, trong đó các thuộc tính mùi của các nhóm được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, “trái cây-mứt”, “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh”, và “cay-đinh hương”; tốt hơn nữa nếu từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, và “trái cây-mứt”.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-cam” với nồng độ từ 0,1 đến 25% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,2 đến 15% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,25 đến 10% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-chanh xanh” với nồng độ từ 0,05 đến 5% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,1 đến 3% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,12 đến 1,5% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-quýt” với nồng độ từ 0,05 đến 5% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,1 đến 3% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,12 đến 1,5% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “ngọt-đậu tonka” với nồng độ

từ 0,05 đến 1% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,07 đến 0,9% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,1 đến 0,75% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “trái cây-mứt” với nồng độ từ 0,01 đến 1% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,02 đến 0,9% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,03 đến 0,65% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-hoa cam” với nồng độ từ 0,01 đến 1% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,025 đến 0,75% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,03 đến 0,5% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-thuốc cam” với nồng độ từ 0,01 đến 1,0% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,02 đến 1,0% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,035 đến 0,5% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa bao gồm một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-đỉnh hương” với nồng độ từ 0,005 đến 0,7% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,01 đến 0,5% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,02 đến 0,25% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “động vật-phân” với nồng độ từ 0,005 đến 0,07% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,07 đến 0,05% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,01 đến 0,030% khối lượng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-quế” với nồng độ từ 0,0001 đến 0,05% khối lượng, cụ thể hơn từ 0,001 đến 0,025% khối lượng, và vẫn cụ thể hơn từ 0,005 đến 0,01% khối lượng.

Trong đơn này, tỷ lệ phần trăm khối lượng (% khối lượng) được dựa trên cơ sở tổng khối lượng của các thành phần nước hoa có trong chế phẩm nước hoa trừ khi có quy định khác.

Tốt hơn nếu mỗi nhóm nêu trên có mặt với nồng độ nêu trên nếu có mặt toàn bộ.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-cam”, được chọn từ nhóm gồm dầu cam và chất tái tạo dầu cam, như dầu thô cam Brazil, dầu bưởi chùm, dầu cam, dầu cam đắng, dầu cam đỏ; dầu cam không màu, dầu cam cô đặc, tinh chất cam, terpen cam, dầu pha cam đắng, dầu bưởi lai quýt, cacbonyl và aldehyt cam tự nhiên, và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-chanh xanh”, được chọn từ nhóm gồm (4-metyl-1-isopropylbenzen) (xymen para), dầu thanh yên, (1,1-dietoxy-3,7-dimetylocta-2,6-dien) (xitrathal R), (3,7,7-trimetylbixyclo[4.1.0]hept-3-en) (delta-3-caren), (1-metyl-4-(prop-1-en-2-yl)xyclohex-1-en) (dipenten), dầu trám, nhựa trám, dầu pha chanh vàng tươi, dien chanh xanh, dầu chanh xanh được chưng cất, dầu chanh xanh được ép, oxit chanh xanh, chất tái tạo terpen chanh xanh, ((E)-3,7-dimetylocta-1,3,6-trien) (oximen), (1-metyl-4-propan-2-ylxyclohexa-1,3-dien) (terpinen alpha), (1-metyl-4-propan-2-ylxyclohexa-1,4-dien) (terpinen gama), (2-(4-metyl-3-xyclohexen-1-yl)-2-propanol) (terpineol), và (1-metyl-4-propan-2-ylidenxyclohexen) (terpinolen), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-quýt”, được chọn từ nhóm gồm dầu quýt đường, (metyl 2-metylaminobenzoat) (dimetyl antranilat), dầu quýt, dầu quýt không màu, dầu quýt xanh, dầu quýt vàng, dầu pha quýt, dầu me, chất tái tạo dầu me, dầu quýt đỏ cam, chất tái tạo dầu quýt

đỏ cam, ((E)-6,10-dimethylundeca-5,9-dien-2-yl axetat) (tangerinol), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “ngọt-đậu tonka”, được chọn từ nhóm gồm (3,4,4a,5,6,7,8,8a-octahydrocromen-2-on) (bixyclo nonalacton), (cromen-2-on) (coumarin), và (4-metylbenzaldehyt) (tolyl aldehyt para), chất tái tạo coumarin, dầu hoàng hoa, chất tái tạo dầu hoàng hoa, dầu cỏ khô, tinh chất cỏ khô, (3,6-dimetyl-3a,4,5,6,7,7a-hexahydro-3H-benzofuran-2-on) (koumalacton), tinh chất thực quỳ, tinh chất nhựa ruồi, chất tái tạo nhựa ruồi, (5-butyl-4-metyloxolan-2-on) (metyl octalacton), ((E)-dec-9-en-1-yl 3-(2-hydroxyphenyl)acrylat) (tonkarose), tinh chất vùng rang, tinh chất lá thuốc lá, tinh chất tonka, tinh chất tonka không màu, dầu đậu tonka, (1-(4-metoxypheyl)etanon) (axetanisol), (1-phenyletanon) (acetophenone extra), (4-metoxypbenzaldehyt) (aldehyt anisic), ((4-metoxypheyl)metanol) (rượu anisylic), (4-metoxypbenzaldehyt) (aubepin para cresol), (1,4-dimetoxypbenzen) (dimethyl hydroquinone crystals), (benzo[d][1,3]dioxol-5-carbaldehyt) (heliotropine crystals), (2-phenylpropanal) (aldehyt hydratropic), (1-(p-tolyl)etanon) (metyl axetophenon), tinh chất cây xâu hổ, (3,4-dimetoxypbenzaldehyt) (aldehyt veratryl), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “trái cây-mứt”, được chọn từ nhóm gồm (etyl 2,6,6-trimetylxyclohexa-1,3-dien-1-carboxylat) (cristalon), (etyl 2-etyl-6,6-dimetylxyclohex-2-en-1-carboxylat) (givescon), ((E)-1-(2,6,6-trimetylxyclohexa-1,3-dien-1-yl)but-2-en-1-on) (damascenon), ((E)-1-(2,6,6-trimetyl-1-xyclohex-2-enyl)but-2-en-1-on) (damascon alpha), ((E)-1-(2,6,6-trimetyl-1-xyclohexenyl)but-2-en-1-on) (damascon beta), (1-(2,6,6-trimetyl-1-xyclohex-3-enyl)but-2-en-1-on) (damascon delta), cụ thể hơn (E)-1-(2,6,6-

trimetyl-1-xyclohex-3-enyl)but-2-en-1-on), và ((2E,5Z)-5,6,7-trimetylocta-2,5-dien-4-on) (pomarose), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-hoa cam”, được chọn từ nhóm gồm chất tái tạo dầu hoa cam, (metyl 2-aminobenzoat) (metyl antranilat), (1-naphtalen-2-yletanon) (oranger crystals), dầu hoa nhài tây, và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-thuốc”, được chọn từ nhóm gồm (2-metoxynaphtalen) (yara yara), (1-metoxy-4-metylbenzen) (cresyl methyl ether para), etyl benzoat, etyl salixylat, metyl benzoat, metyl salixylat, chất tái tạo dầu hoa huệ, và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-đỉnh hương”, được chọn từ nhóm gồm ((2-metoxy-4-prop-2-enylphenyl) axetat) (eugenyl axetat), (2-metoxy-4-prop-1-en-2-ylphenol axetat) (axetyl isoeugenol), dầu lá đỉnh hương thô, không màu và được tinh chế, (2-metoxy-4-propylphenol) (dihydrog eugenol), (2-metoxy-4-prop-2-enylphenol) (eugenol), và (2-metoxy-4-prop-1-en-2-ylphenol) (isoeugenol), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “động vật-phân”, được chọn từ nhóm gồm indol và (8,8-bis(1H-indol-3-yl)-2,6-dimetyloctan-2-ol) (indolen), (4,4a,5,9b-tetrahydroindeno[1,2-d][1,3]dioxin) (indoflor), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-quế”, được chọn từ nhóm gồm (3-phenylprop-2-enal) (aldehyt xinamic), ((E)-3-phenylprop-2-ennitril)

(xinamalva), dầu vỏ quế; ((Z)-2-metyl-3-phenylacrylaldehyt) (aldehyt metyl xinamic), và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa indol kết hợp với ít nhất năm, cụ thể hơn ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (5-hexyloxolan-2-on) (decalacton gama), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenol-3-cis), (4-(2,6,6-trimetylxyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat), và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure); hoặc ít nhất năm, cụ thể hơn ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (5-heptyloxolan-2-on) (xitronelol), (1,4-dioxaxycloheptadecan-5,17-dion) (etylen brasylat), benzyl axetat, (metyl 3-oxo-2-pentylxyclopentanaxetat) (hedion), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (1-(2,3,8,8-tetrametyl-1,3,4,5,6,7-hexahydronaphtalen-2-yl)etanon) (iso e super), rượu phenyl etylic, etyl vanilin, và vanilin.

Theo một phương án của sáng chế, chế phẩm nước hoa chứa damascenon kết hợp với ít nhất năm, cụ thể hơn ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenyl-3-cis axetat), ((4-(2,6,6-trimetylxyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat), và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure).

Trong phạm vi của sáng chế, thuật ngữ “thành phần nước hoa” đề cập đến thành phần mà có chức năng tạo mùi có thể nhận thấy và có thể nhận biết cho chế phẩm nước hoa. Các thành phần nước hoa bao gồm các thành phần đặc tính cao dự định để tạo ra ấn tượng khứu giác và mùi vị mạnh, cũng như các thành phần đặc tính thấp dự định để tạo ra ấn tượng khứu giác và mùi vị phẳng phất.

Các thành phần nước hoa nhất định đề cập ở đây được gọi là “chất tái tạo”. Chất tái tạo là hỗn hợp của các thành phần nước hoa, mục đích của nó là bắt chước mùi đặc trưng, ví dụ mùi của “cam đỏ” hoặc “táo xanh”.

Nếu các tên thông thường được dùng để mô tả các thành phần nước hoa hữu dụng ở đây, người sản xuất nước hoa được đào tạo sẽ hiểu rằng đây là các tên thông dụng trong lĩnh vực sản xuất nước hoa. Tuy nhiên, người sản xuất nước hoa được đào tạo cũng sẽ hiểu rằng các thành phần này cũng được biết bởi các từ đồng nghĩa thông thường khác, bởi các số đăng ký CAS, hoặc bởi danh pháp thông thường hơn, như danh pháp IUPAC. Hơn nữa, người sản xuất nước hoa được đào tạo sẽ quen thuộc với các từ đồng nghĩa thông thường khác này, cũng như với các danh pháp thông thường hơn, hoặc ít nhất, sẽ nhận thấy các tài liệu tham khảo chuẩn, như website The Good Scents Company, chứa danh sách toàn diện của các tên thông thường, các số đăng ký và danh pháp thông thường hơn đối với các thành phần nước hoa chứa trong bảng pha của người sản xuất nước hoa.

Chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể bao gồm toàn bộ các thành phần nước hoa đề cập ở trên. Tuy nhiên, ngoài các thành phần nước hoa đề cập ở trên, chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể chứa các thành phần nước hoa khác. Danh sách toàn diện của các thành phần nước hoa thích hợp khác có thể được thấy trong tài liệu chuyên ngành sản xuất nước hoa, ví dụ "Perfume & Flavor Chemicals", S. Arctander (Allured Publishing, 1994), cũng như các lần tái bản sau của tài liệu này, các thành phần nước hoa chứa trong đó được kết hợp ở đây để tham khảo.

Chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể còn chứa các thành phần gần như không có mùi. Trong phạm vi của sáng chế, “gần như không có mùi” nghĩa là thành phần không có mùi hoặc mùi của nó là yếu và thường hiếm khi có thể nhận thấy. Các thành phần gần như không có mùi bao gồm các tá dược thường sử dụng cùng với các thành phần nước hoa trong chế phẩm nước hoa,

ví dụ các chất mang, và các chất phụ trợ khác thường được sử dụng trong lĩnh vực kỹ thuật này, ví dụ dung môi, như dipropylene glycol (DPG), isopropyl myristat (IPM), benzyl benzoat (BB), propylene glycol (PG) và triethyl xitrat (TEC); dầu khoáng và dầu thực vật; và chất chống oxy hóa. Như vậy, các thành phần gần như không có mùi này không được xem là các thành phần nước hoa trong phạm vi của sáng chế. Cụ thể, dung môi không được tính đến khi tính tỷ lệ phần trăm khối lượng.

Chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể được thể hiện ở dạng không chứa dầu, hoặc chúng có thể được bọc nang. Một số chất bọc nang được biết trong lĩnh vực kỹ thuật này để bọc nang chế phẩm nước hoa. Chất bọc nang cụ thể bao gồm vi nang được tạo ra bởi nhựa amino, như nhựa melamin-formaldehyt, polyure, polyamit, cũng như các copolyme của axit acrylic, axit metacrylic và este của chúng. Theo cách khác, chất bọc nang có thể được tạo ra bởi polyme tự nhiên hoặc polyme tự nhiên cải biến, như polysacarit hoặc protein.

Chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể được sử dụng để tạo ấn tượng mùi mong muốn trên tất cả kiểu sản phẩm tiêu dùng, ví dụ như nước hoa nước-rượu, chất khử mùi, chất chống ra mồ hôi, sản phẩm chăm sóc da, sản phẩm chăm sóc tóc, sản phẩm chăm sóc đồ giặt, sản phẩm chăm sóc gia đình hoặc chất làm thơm mát không khí.

Cụ thể hơn, chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể được dùng trong các ứng dụng chăm sóc đồ giặt, sản phẩm chăm sóc cá nhân để điều trị tóc và/hoặc da của đối tượng con người, sản phẩm chăm sóc miệng, và sản phẩm chăm sóc không khí.

Các sản phẩm tiêu dùng chứa các hỗn hợp điều chế của các thành phần chức năng khác nhau, như chất hoạt động bề mặt, chất nhũ hóa, các polyme, chất độn và dung môi. Các hỗn hợp điều chế này thường được gọi là “chất cơ bản”.

Các sản phẩm tiêu dùng cụ thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở các sản phẩm tiêu dùng dự định để áp dụng với cơ thể (tức là da hoặc tóc), với bề mặt cứng (ví dụ bề mặt bếp và bề mặt buồng tắm, bề mặt gốm), với vải, và đối với các lợi ích chăm sóc không khí (ví dụ chất làm thơm mát không khí). Các sản phẩm như vậy có dạng khác nhau, bao gồm, nhưng không bị giới hạn ở, bột, thanh, que, viên, kem, kem mút, gel, chất lượng, bụi nước và tắm. Tỷ lệ của chế phẩm nước hoa chứa trong các sản phẩm như vậy có thể nằm trong khoảng từ 0,05% (dưới dạng ví dụ trong kem bôi da ít mùi) đến 100% khối lượng (dưới dạng ví dụ trong chất làm thơm mát không khí) trên cơ sở tổng khối lượng của sản phẩm tiêu dùng. Biện pháp kết hợp chế phẩm nước hoa vào sản phẩm tiêu dùng là đã biết. Các phương pháp hiện có có thể được sử dụng để kết hợp chế phẩm nước hoa trực tiếp vào sản phẩm, hoặc chế phẩm nước hoa có thể được hấp thụ trên chất mang và tiếp đó được trộn với sản phẩm.

Bởi vậy, sáng chế cũng đề xuất sản phẩm tiêu dùng chứa chế phẩm nước hoa theo sáng chế.

Theo một phương án của sáng chế, sản phẩm tiêu dùng là sản phẩm chăm sóc đồ giặt. Sản phẩm chăm sóc đồ giặt bao gồm chất tẩy rửa dạng bột và dạng lỏng và chất làm mềm vải, chất loại bỏ vết bẩn và chất xử lý trước giặt, nước xả và chất làm mềm (bao gồm nước xả tiêu chuẩn và đậm đặc, chất làm mềm và tắm sấy), chất trợ giặt (bao gồm chất loại bỏ vết bẩn, chất trợ là, chất làm trắng và sản phẩm chăm sóc màu và các sản phẩm chăm sóc vải phụ trợ khác), chất tẩy rửa giặt (bao gồm chất tẩy rửa lỏng giặt máy, chất tẩy rửa giặt máy khác - bao gồm bột, viên nang và viên nén - và chất tẩy rửa giặt tay - bột,片片 và bánh/thanh), bụi phun tắm, bụi phun quần áo, nước hoa giặt, túi bột thơm sấy, túi nước hoa, khăn khô, xà phòng giặt, chất tẩy rửa giặt, chất tẩy rửa dùng cho vải dệt chuyên dụng, bụi phun là, tinh bột, khăn tắm nước

hoa, hương xịt gói, khăn lót ngăn kéo, bụi phun buồng nhỏ mùi gỗ tuyết tùng, nước dùng cho vải lanh, và chất làm đầy và hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án của sáng chế, sản phẩm tiêu dùng là sản phẩm chăm sóc cá nhân. Sản phẩm chăm sóc cá nhân bao gồm xà phòng, gel tắm, kem dưỡng thể, sữa dưỡng thể, sương dưỡng thể, nước hoa, mỹ phẩm, dầu tắm bồn, dung dịch dùng sau khi cạo râu, kem, sữa dưỡng, chất khử mùi (bao gồm que chất khử mùi), sữa dưỡng trước khi cạo râu, sữa dưỡng sau khi cạo râu, chất chống ra mồ hôi, dầu gội, dầu xả, dung dịch nhuộm tóc, sản phẩm chăm sóc da, sản phẩm trang điểm mắt, dầu tắm, chế phẩm bảo vệ da, son môi, son bóng, phấn xoa sau tắm, sản phẩm bảo vệ chống nắng và sản phẩm chống nắng (bao gồm kem chống nắng). Gần như sản phẩm hóa học bất kỳ mà đi vào tiếp xúc với tóc hoặc da và có thể bao gồm lượng, nồng độ hoặc tỷ lệ hiệu quả của một hoặc nhiều chế phẩm nước hoa theo sáng chế có thể được xem là sản phẩm chăm sóc cá nhân theo sáng chế.

Theo một phương án của sáng chế, sản phẩm tiêu dùng là sản phẩm chăm sóc miệng. Sản phẩm chăm sóc miệng bao gồm thuốc đánh răng, kem đánh răng, gel hoặc bột đánh răng, nước súc răng miệng (bao gồm chất lỏng loại bỏ mảng bám), chế phẩm súc miệng trước hoặc sau khi đánh răng, kẹo cao su, viên ngậm, và kẹo.

Theo một phương án của sáng chế, sản phẩm tiêu dùng là sản phẩm chăm sóc không khí. Sản phẩm chăm sóc không khí bao gồm nến và thiết bị làm thơm mát không khí, như thiết bị làm thơm mát không khí bằng điện dùng chất lỏng, bụi sol khí, bụi tác động bơm, nến thơm, thiết bị tắm màng, thiết bị có bắc hút chất lỏng, nước hoa gel trên cơ sở dầu, và gel nước.

Theo một phương án của sáng chế, sản phẩm tiêu dùng là sản phẩm chăm sóc gia đình. Sản phẩm chăm sóc gia đình có thể được dùng đặc biệt để làm sạch, rửa, chăm sóc hoặc xử lý bề mặt cứng công nghiệp, gia dụng hoặc chung, cũng như bề mặt sản phẩm dệt; chúng được nhắm đến các bề mặt được

xử lý với các lợi ích như đẩy nước, giải phóng đất, chống biến màu, chống sương, sửa chữa bề mặt, chống nhăn, sáng bóng, bôi trơn và/hoặc nhắm đến việc cải thiện phần còn lại, tác động và/hoặc hiệu quả của vật liệu tích cực chứa trong sản phẩm chăm sóc gia đình. Vì vậy, chế phẩm chăm sóc gia đình theo sáng chế bao gồm chế phẩm làm sạch bề mặt (ví dụ chế phẩm làm sạch kính, sàn, bể, bồn tắm, chậu xí, bồn rửa bát, thiết bị và đồ đạc), chất khử trùng (ví dụ chất khử trùng không khí dạng bụi nước và rắn, bao gồm gel, và chất khử trùng bề mặt dạng bụi nước, rắn, lỏng và bột nhão), sáp và các chế phẩm bảo vệ và/hoặc đánh bóng bề mặt khác, và dầu làm sạch thơm.

Các phương pháp theo sáng chế có thể được tạo điều kiện thuận lợi bởi máy tính.

Máy tính có thể bao gồm các linh kiện phần cứng và phần mềm thích hợp đã biết thông thường và được sử dụng trong lĩnh vực kỹ thuật này.

Máy tính có thể chứa cơ sở dữ liệu về thành phần nước hoa hoặc các chế phẩm nước hoa ở dạng có thể đọc được bằng máy tính. Đối với mỗi thành phần nước hoa hoặc chế phẩm nước hoa, cơ sở dữ liệu có thể chứa ít nhất một thông số, tính chất hoặc chức năng xác định của thành phần hoặc chế phẩm đó. Cụ thể, đối với mỗi chế phẩm hoặc thành phần nước hoa, có thể được gán điểm hài lòng xác định theo các phương pháp nêu trên.

Máy tính có thể bao gồm bộ phận xử lý dữ liệu được tạo cấu hình và có thể vận hành để cho phép người điều chế lựa chọn thành phần nước hoa từ cơ sở dữ liệu, và tính điểm hài lòng đối với chế phẩm nước hoa chứa thành phần nước hoa.

Dưới đây, sáng chế sẽ được mô tả chi tiết hơn dựa vào các ví dụ. Tuy nhiên, cần hiểu rằng các ví dụ này chỉ để minh họa và không được hiểu là giới hạn phạm vi của sáng chế.

### Ví dụ thực hiện sáng chế

Ví dụ 1: Sự phát triển chuẩn đo hài lòng (WB-18)

#### A. Nhận biết thuộc tính hài lòng

Theo nghiên cứu sơ bộ, sự lựa chọn rộng thuộc tính hài lòng theo ngôn ngữ được xem xét và thuộc tính mà được thể hiện là dễ thay đổi với tác động của mùi được giữ. Thích hợp nhất trong số các thuộc tính này là thuộc tính mà thể hiện các khác biệt đáng kể giữa các điều kiện đối chứng, mùi hôi và/hoặc nước hoa và, quan trọng là giữa các nước hoa dễ chịu. Điều này dẫn đến tập hợp con gồm 18 thuộc tính, thể hiện độ nhạy cao nhất với nước hoa, theo phân tích thành phần chính. Các thuộc tính WB-18 nhận biết như vậy được liệt kê trong Bảng 1 dưới đây.

Mỗi mục được đánh giá bởi những người đánh giá di chuyển con trượt ảo trên màn hình cảm ứng. 138 người đánh giá qua bốn nghiên cứu khác nhau hoàn thành việc đánh giá.

Những người đánh giá trước tiên hoàn thành hai việc đo cơ sở của các thuộc tính WB-18 khi không có mặt và trước khi tiếp xúc với chế phẩm nước hoa thử nghiệm, với việc đo cơ sở thứ hai được hoàn thành ngay sau việc đo cơ sở thứ nhất. Phân tích hệ số (xem ở trên) được áp dụng với dữ liệu cơ sở trung bình để xác định năm hệ số hài lòng và các phương sai liên quan, cũng như các tải đối với mỗi thuộc tính hài lòng trong năm hệ số hài lòng (xem bảng 1). Các tải hệ số được dựa trên việc phân tích thành nhân số trục chính với sự quay oblimin vì các tương quan có thể có giữa một số các thuộc tính hài lòng.

| Thuộc tính  | Hệ số 1<br>(phương sai $v_1 = 0,48$ ) | Hệ số 2<br>(phương sai $v_2 = 0,24$ ) | Hệ số 3<br>(phương sai $v_3 = 0,12$ ) | Hệ số 4<br>(phương sai $v_4 = 0,09$ ) | Hệ số 5<br>(phương sai $v_5 = 0,07$ ) |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Không lo âu | 0,222                                 |                                       |                                       |                                       |                                       |
| Không buồn  | 0,215                                 |                                       |                                       |                                       |                                       |
| Không bồn   | 0,205                                 |                                       |                                       |                                       |                                       |

|                    |       |       |       |       |       |
|--------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| chồn               |       |       |       |       |       |
| Không nản lòng     | 0,201 |       |       |       |       |
| Không căng thẳng   | 0,157 |       |       |       |       |
| Vui sướng          |       | 0,196 |       |       |       |
| Lạc quan           |       | 0,192 |       |       |       |
| Phấn khích         |       | 0,172 |       |       |       |
| Thỏa mãn           |       | 0,163 |       |       |       |
| Kích thích         |       | 0,139 |       |       |       |
| Được tiếp sinh lực |       | 0,138 |       |       |       |
| Thích thú          |       |       | 0,510 |       |       |
| Không buồn chán    |       |       | 0,490 |       |       |
| Không mệt mỏi      |       |       |       | 0,510 |       |
| Hoạt bát tinh thần |       |       |       | 0,490 |       |
| Thanh thản         |       |       |       |       | 0,380 |
| Thoải mái          |       |       |       |       | 0,320 |
| Kiên nhẫn          |       |       |       |       | 0,300 |

Bảng 1: Thuộc tính hài lòng, các hệ số và tải hệ số thu được từ việc phân tích thành phần chính

Trên cơ sở phân tích nêu trên, trọng số đối với mỗi thuộc tính hài lòng được xác định như được thể hiện trên Bảng 2:

| Thuộc tính hài lòng | Trọng số | Thuộc tính hài lòng  | Trọng số |
|---------------------|----------|----------------------|----------|
| “không lo âu”       | 10,65%   | “kích thích”         | 3,34%    |
| “không buồn”        | 10,32%   | “được tiếp sinh lực” | 3,31%    |
| “không bồn chồn”    | 9,84%    | “thích thú”          | 6,12%    |
| “không nản lòng”    | 9,65%    | “không buồn chán”    | 5,88%    |
| “không căng thẳng”  | 7,54%    | “không mệt mỏi”      | 4,59%    |
| “vui sướng”         | 4,70%    | “hoạt bát tinh thần” | 4,41%    |
| “lạc quan”          | 4,61%    | “thanh thản”         | 2,66%    |
| “phấn khích”        | 4,13%    | “thoải mái”          | 2,24%    |
| “thỏa mãn”          | 3,91%    | “kiên nhẫn”          | 2,10%    |

Bảng 2: Trọng số của các thuộc tính hài lòng

## B. Phương pháp nghiên cứu sự hài lòng

690 đối tượng trong độ tuổi từ 21 đến 53 (283 nam và 407 nữ) được tuyển chọn cho nghiên cứu này. Các đối tượng là người nói tiếng Anh bản địa có tầm nhìn thông thường hoặc tầm nhìn được hiệu chỉnh, và được tuyển chọn từ người sống ở vương quốc Anh. Tất cả các đối tượng cho thấy rằng họ không có các thiếu hụt đã biết về cảm nhận mùi, độ nhạy khứu giác hoặc bệnh thần kinh của họ. Các chế phẩm nước hoa thử nghiệm được phun lên Sorbarods gồm cọc sợi polyeste ép đùn, Porex trước đây. Mỗi người tham gia nhận bốn mẫu chế phẩm nước hoa thử nghiệm khác nhau, với các chỉ dẫn để ngửi và tính điểm trực tuyến một mẫu/ngày ở gần như cùng một thời điểm chọn chúng.

Mỗi ngày, người tham gia tính điểm trước tiên các thuộc tính WB-18 khi không có chế phẩm thơm chăm sóc miệng thử nghiệm.

Tiếp đó, người tham gia được hướng dẫn thực hiện ba lần hít từ Sorbarod mà chế phẩm nước hoa thử nghiệm đã được áp dụng với đó, với các hướng dẫn bổ sung thực hiện ba lần hít khác sau khi hoàn thành 50% thử nghiệm.

Các thuộc tính hài lòng được ngẫu nhiên hóa đối với mỗi người tham gia đối với mỗi sự đánh giá.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm tất cả các thuộc tính WB-18 của mẫu thử thứ tư, vào ngày thứ tư, người tham gia được yêu cầu tạo ra một loạt các đánh giá chế phẩm nước hoa thử nghiệm họ đã ngửi qua bốn ngày. Thứ tự của các mẫu thử được ngẫu nhiên hóa lại với các hướng dẫn để hít mỗi mẫu thử một cách riêng biệt và hoàn thành việc đánh giá đối với mỗi mẫu thử trước khi ngửi tiếp theo. Đối với mỗi chế phẩm nước hoa thử nghiệm, người tham gia đưa ra đánh giá ưa thích trên thang điểm từ 1 (Tôi rất không thích nó) đến 9 (Tôi rất thích nó).

|                        |                              |                        |                        |                                    |                  |                  |                        |                  |
|------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------|------------------|------------------------|------------------|
| Tôi rất không thích nó | Tôi không thích nó rất nhiều | Tôi khá không thích nó | Tôi hơi không thích nó | Tôi thích hoặc cũng không thích nó | Tôi hơi thích nó | Tôi khá thích nó | Tôi thích nó rất nhiều | Tôi rất thích nó |
| 1                      | 2                            | 3                      | 4                      | 5                                  | 6                | 7                | 8                      | 9                |

Ngoài ra, người tham gia đưa ra đánh giá nồng độ trên thang điểm từ 1 (cực yếu) đến 9 (cực mạnh).

|         |         |         |         |                           |          |          |          |          |
|---------|---------|---------|---------|---------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Cực yếu | Rất yếu | Khá yếu | Hơi yếu | Không yếu hoặc không mạnh | Hơi mạnh | Khá mạnh | Rất mạnh | Cực mạnh |
| 1       | 2       | 3       | 4       | 5                         | 6        | 7        | 8        | 9        |

C. Đánh giá tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng

18 chế phẩm nước hoa thử nghiệm có điểm số ưa thích tương đương giả định được chọn bởi nhóm gồm hai chuyên gia.

Nồng độ (cường độ) của 18 chế phẩm nước hoa thử nghiệm này được đánh giá bởi nhóm gồm 15 người đánh giá được đào tạo và hệ số pha loãng được xác định phụ thuộc vào khác biệt về nồng độ giữa tất cả các chế phẩm nước hoa thử nghiệm và chế phẩm nước hoa thử nghiệm mà là cường độ nhỏ nhất trong tập hợp. Hệ số pha loãng được dùng để cân bằng cường độ mùi của chế phẩm nước hoa thử nghiệm.

18 chế phẩm nước hoa thử nghiệm điều chế như vậy được áp dụng với Sorbarods và được đưa đến người tham gia nghiên cứu để đánh giá sự hài lòng theo phương pháp được mô tả trong phần B.

Người tham gia đánh giá các thuộc tính WB-18 tạo ra điểm hài lòng riêng biệt thứ nhất (=cơ sở) điểm hài lòng  $x_i$  đối với mỗi thuộc tính hài lòng khi không có mặt chế phẩm nước hoa thử nghiệm (w/o) và điểm hài lòng riêng biệt thứ hai với sự có mặt của mỗi chế phẩm nước hoa thử nghiệm (w)  $y_i$ . Các điểm hài lòng tương ứng được tính bằng cách nhân điểm riêng biệt

của mỗi thuộc tính hài lòng với trọng số như được xác định trong phần A (xem bảng 2) và tính tổng các điểm riêng biệt.

Cuối cùng, điểm tăng cường hài lòng được tính bằng cách trừ điểm hài lòng cơ sở (tức là tổng của các điểm hài lòng riêng biệt thứ nhất  $x_i$  nhân với trọng số của chúng) từ điểm hài lòng với chế phẩm nước hoa thử nghiệm (tức là tổng của các điểm hài lòng riêng biệt thứ hai  $y_i$  nhân với trọng số của chúng). Các kết quả trung bình trên tất cả người tham gia được thể hiện trên bảng 3.

|             | Trước | Sau  | Điểm tăng cường hài lòng |
|-------------|-------|------|--------------------------|
| Nước hoa 6  | 7,13  | 7,58 | 6,3%                     |
| Nước hoa 11 | 6,81  | 7,25 | 6,5%                     |
| Nước hoa 16 | 7,07  | 7,51 | 6,2%                     |
| Nước hoa 8  | 6,85  | 7,25 | 5,8%                     |
| Nước hoa 2  | 6,78  | 7,16 | 5,6%                     |
| Nước hoa 10 | 6,92  | 7,24 | 4,6%                     |
| Nước hoa 12 | 6,89  | 7,20 | 4,5%                     |
| Nước hoa 5  | 6,91  | 7,22 | 4,5%                     |
| Nước hoa 13 | 6,74  | 7,04 | 4,5%                     |
| Nước hoa 14 | 7,08  | 7,36 | 4,0%                     |
| Nước hoa 3  | 6,67  | 6,94 | 4,0%                     |
| Nước hoa 15 | 6,78  | 7,04 | 3,8%                     |
| Nước hoa 7  | 6,97  | 7,22 | 3,6%                     |
| Nước hoa 9  | 6,82  | 7,06 | 3,5%                     |
| Nước hoa 17 | 6,70  | 6,94 | 3,6%                     |
| Nước hoa 1  | 6,82  | 7,05 | 3,4%                     |
| Nước hoa 4  | 7,09  | 7,32 | 3,2%                     |
| Nước hoa 18 | 6,81  | 6,82 | 0,1%                     |

Bảng 3: Điểm hài lòng trung bình trước và sau khi ngửi chế phẩm nước hoa thử nghiệm, và mức tăng cường hài lòng theo tỷ lệ phần trăm

Ví dụ 2: Nhận biết các thuộc tính mùi liên quan đến tác động tích cực lên sự hài lòng

Đối với mỗi chế phẩm trong số 18 chế phẩm nước hoa thử nghiệm đánh giá trong phần C của ví dụ 1, các thuộc tính mùi của các thành phần

nước hoa được chứa được xác định. Phân tích thành phần chính (PCA) được thực hiện để tạo ra đạo hàm tối đa của 18 chế phẩm nước hoa theo hình chiếu hai chiều của không gian mùi. Mỗi chế phẩm nước hoa thử nghiệm được gán thẻ theo sự đánh giá tăng cường hài lòng của nó (cột cuối trong Bảng 3).

Đã thấy rằng tổng của mười thuộc tính mùi tương quan với sự tăng cường hài lòng, với sáu thuộc tính mùi trong số chúng có liên quan đến sự tăng cường hài lòng mạnh:

Thuộc tính mùi với tác động tích cực mạnh lên sự hài lòng:

- “hoa-hoa cam”
- “hoa-thuốc”
- “động vật-phân”
- “chanh-cam”
- “chanh-quýt”
- “trái cây-mứt”

Thuộc tính mùi với tác động tích cực mạnh lên sự hài lòng:

- “cay-quế”
- “ngọt-đậu tonka”
- “chanh-chanh xanh”
- “cay-đinh hương”

| Thành phần                  | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |       |       |      |       |      |       |      |       |
|-----------------------------|------------------------------|-------|-------|------|-------|------|-------|------|-------|
|                             | 1                            | 2     | 3     | 4    | 5     | 6    | 7     | 8    | 9     |
| 1 Aldehyt-Vị aldehyt        | 0,05                         | 1,57  | 0,02  | 0,09 | 1,60  | 0,06 | 1,04  | 0,00 | 0,00  |
| 2 Aldehyt-Lá mùi            | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,06  | 0,00 | 0,00  |
| 3 Aldehyt-Quýt              | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,10  | 0,00 | 0,00  |
| 4 Hỗ phách-Hỗ phách khô     | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 5 Hỗ phách-Long diên hương  | 0,13                         | 0,01  | 0,04  | 0,06 | 0,29  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 6 Động vật-Phân             | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,04  | 0,02 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 7 Động vật-Da               | 1,26                         | 0,02  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 8 Cỏ thơm-Ngải giấm mùi hôi | 0,00                         | 0,17  | 0,15  | 0,15 | 0,07  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 9 Cỏ thơm-Ngải              | 0,05                         | 0,12  | 0,00  | 0,00 | 0,15  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 10 Cỏ thơm-Hạt thì là Ba tư | 0,00                         | 0,93  | 0,07  | 0,07 | 0,00  | 0,00 | 5,20  | 0,00 | 0,00  |
| 11 Cỏ thơm-Quả thông        | 0,00                         | 15,00 | 3,32  | 1,50 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 12 Cỏ thơm-Khuynh diệp      | 0,00                         | 8,69  | 2,21  | 0,30 | 0,00  | 0,00 | 3,12  | 0,00 | 0,00  |
| 13 Cỏ thơm-Oải hương        | 10,89                        | 23,25 | 18,79 | 8,99 | 13,06 | 2,49 | 0,00  | 0,00 | 11,51 |
| 14 Cỏ thơm-Bạc hà cay       | 0,00                         | 20,25 | 0,37  | 0,07 | 0,00  | 0,00 | 14,55 | 0,00 | 0,00  |
| 15 Cỏ thơm-Cỏ xạ hương      | 0,05                         | 0,35  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 4,16  | 0,00 | 0,00  |
| 16 Chanh-Bưởi chùm          | 3,79                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,62 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 17 Chanh-Chanh vàng         | 11,38                        | 0,23  | 0,00  | 0,30 | 1,45  | 3,61 | 31,1  | 0,00 | 0,00  |
| 18 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 19 Chanh-Chanh xanh         | 1,26                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 20 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 21 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 22 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00  | 7,37  | 0,45 | 2,18  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 23 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 5,20  | 0,00 | 0,00  |
| 24 Chanh-Quýt               | 0,05                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00  | 1,86 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |
| 25 Chanh-Quýt               | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 4,35  | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00  |

| Thành phần               | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |       |       |       |       |       |       |       |
|--------------------------|------------------------------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|                          | 1                            | 2    | 3     | 4     | 5     | 6     | 7     | 8     | 9     |
| 26 Chanh-Quýt            | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 27 Chanh-Cam             | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 2,90  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 28 Chanh-Cam             | 3,79                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 4,35  | 23,05 | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 29 Chanh-Terpen          | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 7,48  | 0,00  | 6,22  | 0,00  | 0,00  | 13,81 |
| 30 Hoa-Lan Nam Phi       | 6,96                         | 4,05 | 7,37  | 0,00  | 10,85 | 24,87 | 10,38 | 0,00  | 14,96 |
| 31 Hoa-Hoa nhài          | 7,59                         | 0,58 | 22,85 | 20,96 | 24,65 | 7,46  | 1,66  | 8,76  | 1,78  |
| 32 Hoa-Linh lan          | 6,06                         | 0,00 | 3,98  | 0,45  | 3,48  | 0,00  | 5,20  | 0,00  | 0,00  |
| 33 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,01  | 0,06  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 34 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,03  | 0,06  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 35 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 36 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 37 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00 | 0,22  | 0,01  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 38 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 39 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00 | 0,15  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 40 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 41 Hoa-Irit thơm         | 0,00                         | 0,58 | 0,00  | 5,98  | 1,16  | 0,19  | 0,00  | 0,18  | 0,58  |
| 42 Hoa-Hoa hồng          | 5,75                         | 0,00 | 2,95  | 3,29  | 2,61  | 8,95  | 10,39 | 0,00  | 1,15  |
| 43 Hoa-Nắng              | 0,82                         | 2,90 | 0,00  | 7,48  | 4,35  | 4,97  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 44 Trái cây-Táo          | 7,98                         | 9,30 | 4,05  | 0,10  | 0,00  | 1,24  | 0,21  | 39,42 | 13,35 |
| 45 Trái cây-Chuối        | 0,00                         | 0,00 | 2,21  | 0,00  | 0,15  | 0,02  | 0,00  | 3,51  | 28,42 |
| 46 Trái cây-Phúc bồn đen | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,04  | 0,19  | 0,00  | 0,58  |
| 47 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,01  | 0,00  | 0,00  | 0,04  |
| 48 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 49 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  |
| 50 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00 | 0,01  | 0,00  | 0,00  | 1,24  | 0,10  | 0,53  | 0,00  |

| Thành phần              | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |      |      |       |      |      |       |      |
|-------------------------|------------------------------|------|------|------|-------|------|------|-------|------|
|                         | 1                            | 2    | 3    | 4    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    |
| 51 Trái cây-Mứt         | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,73  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 52 Trái cây-Dừa         | 0,00                         | 0,00 | 2,21 | 0,00 | 0,03  | 0,12 | 0,00 | 0,00  | 0,46 |
| 53 Trái cây-Rượu        | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,42 | 0,00  | 0,00 |
| 54 Trái cây-Dưa hấu     | 0,05                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,06 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 55 Trái cây-Nấm         | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,06  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 56 Trái cây-Quả hạch    | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 57 Trái cây-Chanh dây   | 0,02                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,25 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 58 Trái cây-Đào         | 0,00                         | 0,12 | 0,00 | 2,24 | 0,58  | 2,49 | 0,10 | 5,26  | 3,45 |
| 59 Trái cây-Lê          | 0,00                         | 0,00 | 2,28 | 0,00 | 0,00  | 1,18 | 0,00 | 8,76  | 6,91 |
| 60 Trái cây-Dừa         | 0,05                         | 0,46 | 0,00 | 0,00 | 0,15  | 1,12 | 0,00 | 20,15 | 2,30 |
| 61 Trái cây-Mâm xôi     | 0,13                         | 0,00 | 1,11 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,35  | 0,00 |
| 62 Trái cây-Dâu tây     | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,01 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 63 Xanh-Dừa chuột       | 0,00                         | 0,00 | 0,66 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 64 Xanh-Kẹo cao su thơm | 0,13                         | 0,06 | 0,74 | 0,00 | 0,87  | 0,00 | 0,00 | 2,72  | 0,12 |
| 65 Xanh-Cỏ              | 0,31                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,44  | 0,37 | 0,42 | 5,78  | 0,00 |
| 66 Xanh-Lá              | 0,31                         | 0,58 | 0,22 | 0,25 | 3,34  | 0,00 | 3,12 | 4,40  | 0,23 |
| 67 Xanh-Kim loại        | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 68 Xanh-Đại hoàng       | 1,26                         | 0,00 | 0,88 | 0,75 | 10,16 | 2,49 | 2,08 | 0,00  | 0,00 |
| 69 Xanh-Vi ô lét        | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,06 | 0,00  | 0,00 |
| 70 Xạ hương-Xạ hương    | 2,53                         | 0,00 | 0,07 | 7,78 | 3,63  | 3,73 | 1,04 | 0,18  | 0,00 |
| 71 Cay-Quế              | 0,00                         | 0,00 | 0,04 | 0,07 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 72 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 73 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 74 Cay-Đinh hương       | 0,18                         | 0,17 | 0,07 | 0,75 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |
| 75 Cay-Đinh hương       | 1,15                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,29  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 |

| Thành phần          | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |      |       |      |      |      |      |      |
|---------------------|------------------------------|------|------|-------|------|------|------|------|------|
|                     | 1                            | 2    | 3    | 4     | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    |
| 76 Cay-Đinh hương   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 77 Cay-Nhựa copaiba | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 1,24 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 78 Ngọt-Hạnh nhân   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,35 |
| 79 Ngọt-Nhựa thơm   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 80 Ngọt-Bơ          | 0,00                         | 0,00 | 0,52 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 81 Ngọt-Cacao       | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 82 Ngọt-Đường chung | 0,05                         | 0,00 | 0,29 | 0,00  | 0,00 | 0,02 | 0,10 | 0,00 | 0,00 |
| 83 Ngọt-Vòi voi     | 3,17                         | 0,00 | 0,37 | 5,99  | 0,07 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 84 Ngọt-Kem sữa     | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 85 Ngọt-Mật đường   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 86 Ngọt-Đậu tonka   | 0,00                         | 0,00 | 0,37 | 1,50  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 87 Ngọt-Đậu tonka   | 1,89                         | 1,16 | 5,16 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 88 Ngọt-Đậu tonka   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 89 Ngọt-Vani        | 0,24                         | 0,00 | 1,47 | 1,80  | 0,06 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 90 Nước-Nước biển   | 1,89                         | 0,07 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 91 Gỗ-Gỗ tuyết tùng | 6,32                         | 8,11 | 4,42 | 15,86 | 1,63 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 92 Gỗ-Rêu           | 0,95                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,15 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 93 Gỗ-Hoắc hương    | 10,11                        | 0,81 | 0,96 | 0,75  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 94 Gỗ-Gỗ đàn hương  | 0,51                         | 0,46 | 2,03 | 4,49  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 95 Gỗ-Cỏ hương bài  | 0,89                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |

Bảng 4: Chế phẩm trên cơ sở sự mô tả mùi của các chế phẩm nước hoa thử nghiệm 1 đến 9

| Thành phần                  | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |      |      |      |      |      |      |     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------------------------|------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                             | 10                           | 11   | 12   | 13   | 14   | 15   | 16   | 17   | 18  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 Aldehyt-Vị aldehyt        | 0,00                         | 0,69 | 0,00 | 0,00 | 0,04 | 1,61 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 Aldehyt-Lá mùi            | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,05 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 Aldehyt-Quýt              | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 Hỗ phách-Hồ phách khô     | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,10 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 Hỗ phách-Long diên hương  | 0,00                         | 0,08 | 0,07 | 0,00 | 0,05 | 0,00 | 0,37 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 Động vật-Phân             | 0,04                         | 0,00 | 0,06 | 0,02 | 0,00 | 0,06 | 0,01 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 Động vật-Da               | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 Cỏ thơm-Ngải giám mùi hôi | 0,00                         | 0,00 | 0,07 | 0,00 | 0,00 | 0,38 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 Cỏ thơm-Ngải              | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 Cỏ thơm-Hạt thì là Ba tư | 0,00                         | 0,08 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 Cỏ thơm-Quả thông        | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 Cỏ thơm-Khuynh diệp      | 0,00                         | 0,77 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 Cỏ thơm-Oải hương        | 0,00                         | 9,08 | 3,24 | 0,00 | 0,01 | 0,00 | 9,95 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 Cỏ thơm-Bạc hà cay       | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 Cỏ thơm-Cỏ xạ hương      | 0,00                         | 0,08 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,01 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 Chanh-Bưởi chùm          | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 1,47 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 Chanh-Chanh vàng         | 0,50                         | 0,00 | 0,00 | 3,80 | 1,54 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 Chanh-Chanh xanh         | 0,20                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,18 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,37 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 Chanh-Chanh xanh         | 0,93                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,77 | 0,00 | 0,63 | 5,14 | 4,75 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 Chanh-Chanh xanh         | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 Chanh-Quýt               | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 Chanh-Quýt               | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| Thành phần               | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |       |       |       |       |       |       |      |     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------------------|------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                          | 10                           | 11    | 12    | 13    | 14    | 15    | 16    | 17   | 18  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 26 Chanh-Quýt            | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,38  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 Chanh-Cam             | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 28 Chanh-Cam             | 6,64                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,51  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 29 Chanh-Terpen          | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 30 Hoa-Lan Nam Phi       | 13,50                        | 6,92  | 9,70  | 2,12  | 5,14  | 7,59  | 17,60 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 31 Hoa-Hoa nhài          | 31,02                        | 34,59 | 18,46 | 8,83  | 33,94 | 12,34 | 8,97  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 32 Hoa-Linh lan          | 3,70                         | 7,23  | 11,00 | 6,94  | 1,65  | 5,03  | 9,47  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 33 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 34 Hoa-Thuốc             | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 35 Hoa-Thuốc             | 0,10                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 36 Hoa-Thuốc             | 1,20                         | 0,62  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 37 Hoa-Hoa cam           | 0,80                         | 0,08  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,07  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 38 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,76  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 39 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,77  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,02  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 40 Hoa-Hoa cam           | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,18  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 41 Hoa-Irit thơm         | 0,40                         | 6,00  | 0,65  | 1,91  | 3,11  | 3,80  | 6,49  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 42 Hoa-Hoa hồng          | 0,00                         | 6,77  | 6,80  | 15,32 | 4,22  | 26,12 | 2,58  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 43 Hoa-Nắng              | 14,00                        | 3,08  | 6,47  | 0,00  | 12,34 | 9,02  | 4,05  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 44 Trái cây-Táo          | 0,30                         | 2,31  | 17,15 | 0,00  | 0,51  | 5,98  | 3,01  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45 Trái cây-Chuối        | 0,00                         | 5,42  | 0,00  | 0,00  | 2,36  | 5,69  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 46 Trái cây-Phúc bồn đen | 0,20                         | 0,00  | 1,62  | 0,00  | 2,57  | 0,00  | 0,29  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 47 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,08  | 0,07  | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,17  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 48 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,21  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 49 Trái cây-Mút          | 0,00                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,21  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 50 Trái cây-Mút          | 0,10                         | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,21  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| Thành phần              | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |       |       |       |      |      |      |     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------|------------------------------|------|-------|-------|-------|------|------|------|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                         | 10                           | 11   | 12    | 13    | 14    | 15   | 16   | 17   | 18  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 51 Trái cây-Mứt         | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 52 Trái cây-Dừa         | 0,15                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,09 | 0,01 | 1,50 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 53 Trái cây-Rượu        | 0,20                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 54 Trái cây-Dưa hấu     | 0,00                         | 0,00 | 0,87  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 55 Trái cây-Nấm         | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56 Trái cây-Quả hạch    | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,03 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 57 Trái cây-Chanh dây   | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 58 Trái cây-Đào         | 4,70                         | 0,31 | 1,62  | 0,00  | 0,82  | 0,66 | 0,88 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 59 Trái cây-Lê          | 0,40                         | 1,38 | 0,00  | 0,25  | 0,01  | 0,00 | 0,01 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 60 Trái cây-Dừa         | 1,20                         | 0,38 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,30 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 61 Trái cây-Mâm xôi     | 3,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 62 Trái cây-Dâu tây     | 0,80                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,11  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 63 Xanh-Dưa chuột       | 2,50                         | 1,23 | 12,22 | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 64 Xanh-Kẹo cao su thơm | 0,00                         | 0,00 | 1,13  | 0,00  | 0,06  | 0,48 | 0,09 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 65 Xanh-Cỏ              | 0,80                         | 0,00 | 0,16  | 0,00  | 0,01  | 0,00 | 0,18 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 66 Xanh-Lá              | 1,00                         | 1,23 | 0,49  | 0,00  | 0,10  | 0,19 | 0,92 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 67 Xanh-Kim loại        | 0,00                         | 0,77 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,28 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 68 Xanh-Đại hoàng       | 0,10                         | 0,77 | 0,00  | 0,00  | 0,21  | 1,90 | 0,46 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 69 Xanh-Vi ô lét        | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,06  | 0,00  | 0,00 | 0,12 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 70 Xạ hương-Xạ hương    | 2,50                         | 0,31 | 6,47  | 36,02 | 23,65 | 0,47 | 4,09 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 71 Cay-Quế              | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 72 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 1,42 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 73 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 74 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 75 Cay-Đinh hương       | 0,00                         | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| Thành phần          | Chế phẩm nước hoa thử nghiệm |      |      |       |      |      |       |       |      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---------------------|------------------------------|------|------|-------|------|------|-------|-------|------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                     | 10                           | 11   | 12   | 13    | 14   | 15   | 16    | 17    | 18   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 76 Cay-Đinh hương   | 0,00                         | 0,15 | 0,00 | 0,13  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 77 Cay-Nhựa copaiba | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 78 Ngọt-Hạnh nhân   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,21 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 79 Ngọt-Nhựa thơm   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,95 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 80 Ngọt-Bơ          | 0,02                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 18,26 | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 81 Ngọt-Cacao       | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 59,85 | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 82 Ngọt-Đường chung | 0,60                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 3,78  | 2,39  | 11,8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 83 Ngọt-Vòi voi     | 1,50                         | 2,31 | 0,00 | 0,63  | 0,00 | 1,14 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 84 Ngọt-Kem sữa     | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 1,50  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 85 Ngọt-Mật đường   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 49,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 86 Ngọt-Đậu tonka   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 1,50  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 87 Ngọt-Đậu tonka   | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 1,42 | 0,92  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 88 Ngọt-Đậu tonka   | 0,00                         | 0,02 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 89 Ngọt-Vani        | 0,90                         | 0,18 | 0,00 | 2,40  | 0,00 | 0,28 | 5,25  | 14,97 | 39,2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 90 Nước-Nước biển   | 0,00                         | 0,00 | 0,06 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,07  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 91 Gỗ-Gỗ tuyết tùng | 6,00                         | 4,77 | 0,00 | 19,80 | 1,03 | 7,59 | 14,83 | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 92 Gỗ-Rêu           | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,03 | 0,09 | 0,15  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 93 Gỗ-Hoắc hương    | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,05 | 2,58  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 94 Gỗ-Gỗ đàn hương  | 0,00                         | 0,77 | 1,62 | 0,00  | 0,00 | 0,57 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 95 Gỗ-Cỏ hương bài  | 0,00                         | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00 | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,0  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng 5: Chế phẩm trên cơ sở sự mô tả mùi của chế phẩm nước hoa thử nghiệm 10 đến 18

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 Aldehyt-Vị aldehyt         | octanal, nonanal, decanal, undecanal, dodecanal, undec-10-enal, 2-methylundecanal, (E)-dodec-2-enal, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                          |
| 2 Aldehyt-Lá mùi             | (E)-dec-2-enal, (E)-tridec-2-enal hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3 Aldehyt-Quýt               | dodecanitril                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4 Hở phách-Hở phách khô      | decahydro-2,2,6,6,7,8,8-heptametyl indenofuran, 1-(2,2,6-trimethylxyclohexyl)hexan-3-ol, 1-(2,2,6-trimethylxyclohexyl)hexan-3-ol, 2,2,6-trimethylxyclohexyl-3-hexanol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                        |
| 5 Hở phách-Long diên hương   | 3,8,8,11a-tetrametyldodecahydro-1H-3,5a-epoxynaphtho[2,1-c]oxepin, (3aR,5aS,9aS,9bR)-3a,6,6,9a-tetrametyl-2,4,5,5a,7,8,9,9b-octahydro-1H-benzo[e][1]benzofuran, (etoxymetoxyl)xyclohexan, 3a-ethyl-6,6,9a-trimetyldodecahydro-1,2-c]furan, 2,4-dimetyl-2-(5,5,8,8-tetrametyl-5,6,7,8-tetrahydronaphthalen-2-yl)-1,3-dioxolan, hoặc các hỗn hợp của chúng |
| 6 Động vật-Phân              | 1H-indol, 8,8-di(1H-indol-3-yl)-2,6-dimetyloctan-2-ol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 7 Động vật-Da                | 6-(sec-butyl)quinolin, 6-butan-2-ylquinolin, 2-(2-methylpropyl)quinolin hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 8 Cỏ thơm-Ngải giấm mùi hôi  | (E)-1-metoxyl-4-(prop-1-en-1-yl)benzen, 1-allyl-4-metoxylbenzen, 1-(xyclopropylmetyl)-4-metoxylbenzen, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                        |
| 9 Cỏ thơm-Ngải               | dầu ngải, dầu lá tuyết tùng, (Z)-1-(xyclooct-3-en-1-yl)etanon, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10 Cỏ thơm-Hạt thì là Ba tư  | (5R)-2-metyl-5-prop-1-en-2-ylxyclohex-2-en-1-on                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 11 Cỏ thơm-Quả thông         | (2S,4S)-1,7,7-trimetylbixyclo[2.2.1]heptan-2-yl axetat, 2,6,6-trimetylbixyclo[3.1.1]hept-2-en, 2-(tert-butyl)xyclohexanol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                    |
| 12 Cỏ thơm-Khuynh diệp       | (1s,4s)-1,3,3-trimetyl-2-oxabixyclo[2.2.2]octan, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 13 Cỏ thơm-Oải hương         | dầu bạch đậu khấu, 2,6-dimetyloct-7-en-2-ol, 6-methylheptan-3-on heptan-2-on, dầu oải hương lai, chất tái tạo dầu oải hương lai, 3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-yl axetat, octan-2-on, 3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-yl dimetylcabamat, 2-(4-metylxyclohex-3-en-1-yl)propan-2-yl axetat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                             |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 Cỏ thơm-Bạc hà cay        | 2-(sec-butyl)xyclohexanon, 2-isopropyl-5-metylxyclohexanol, 2-isopropyl-5-metylxyclohexanon, dầu bạc hà, dầu bạc hà cay, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                            |
| 15 Cỏ thơm-Cỏ xạ hương       | (1S,2S,4S)-1,7,7-trimetylbixyclo[2.2.1]heptan-2-ol, (1S,4S)-1,7,7-trimetylbixyclo[2.2.1]heptan-2-on, 2-isopropyl-5-metylphenol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                     |
| 16 Chanh-Bưởi chùm           | 6,6-dimetoxy-2,5,5-trimetylhex-2-en, dầu bưởi chùm, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                 |
| 17 Chanh-Chanh vàng          | chất tái tạo dầu cam bergamot, (E)-3,7-dimetylocta-2,6-dienal, dầu chanh, chất tái tạo dầu chanh, (2E,6Z)-3,7-dimetylnona-2,6-diennitrit, dầu màng lang, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                            |
| 18 Chanh-Chanh xanh          | 1-metyl-4-propan-2-ylbenzen                                                                                                                                                                                                                                    |
| 19 Chanh-Chanh xanh          | dầu trám                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 20 Chanh-Chanh xanh          | nhựa dầu trám                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 21 Chanh-Chanh xanh          | oxit chanh                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 22 Chanh-Chanh xanh          | 2-(4-metylxyclohex-3-en-1-yl)propan-2-ol                                                                                                                                                                                                                       |
| 23 Chanh-Chanh xanh          | 1-metyl-4-(propan-2-yliden)xyclohex-1-en                                                                                                                                                                                                                       |
| 24 Chanh-Quýt                | metyl 2-(metylamino)benzoat                                                                                                                                                                                                                                    |
| 25 Chanh-Quýt                | dầu quýt                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 26 Chanh-Quýt                | chất tái tạo dầu me                                                                                                                                                                                                                                            |
| 27 Chanh-Cam                 | dầu bưởi chùm                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 28 Chanh-Cam                 | dầu cam                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 29 Chanh-Terpen              | terpen bưởi chùm, terpen cam, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                       |
| 30 Hoa-Lan Nam Phi           | 2-metyl-4-phenylbutan-2-ol, 2,6-dimetylheptan-2-ol, (E)-3,7-dimetylnona-1,6-dien-3-ol, 3,7-dimetyloctan-3-ol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                       |
| 31 Hoa-Hoa nhài              | (Z)-2-benzylidenheptanal, benzyl axetat, hoa hồng oxit, 3-metyl-2-pentylxyclopent-2-enon, methyl 3-oxo-2-pentylxyclopentanaxetat, (E)-2-benzylidenoctanal, 2-hexylxyclopent-2-enon, (Z)-3-metyl-2-(pent-2-en-1-yl)xyclopent-2-enon, hoặc các hỗn hợp của chúng |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 Hoa-Linh lan              | 3-(4-(tert-butyl)phenyl)propanal, 4-xyclohexyl-2-metylbutan-2-ol, 3-(4-isopropylphenyl)-2-metylpropanal, 4-(4-hydroxy-4-methylpentyl)xyclohex-3-encarbaldehyt, 3-(4-etylphenyl)-2,2-dimetylpropanal, 3-(3-isopropylphenyl)butanal, tetrahydro-4-metyl-2-(2-metylpropyl)-2H-pyran-4-ol, chất tái tạo dầu linh lan, 3-(4-(tert-butyl)phenyl)-2-metylpropanal, (4-isopropylxyclohexyl)metanol, 3-(benzo[d][1,3]dioxol-5-yl)-2-metylpropanal, (E)-metyl 2-((3-(4-(tert-butyl)phenyl)-2-metylprop-1-en-1-yl)amino)benzoat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                          |
| 33 Hoa-Thuốc                 | 1-metoxyl-4-metylbenzen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 34 Hoa-Thuốc                 | metyl benzoat                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 35 Hoa-Thuốc                 | metyl 2-hydroxybenzoat                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 36 Hoa-Thuốc                 | 2-metoxynaphtalen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 37 Hoa-Hoa cam               | metyl 2-aminobenzoat                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 38 Hoa-Hoa cam               | chất tái tạo dầu hoa cam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 39 Hoa-Hoa cam               | 1-(2-naphtalenyl)-etanon                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 40 Hoa-Hoa cam               | chất tái tạo dầu hoa cam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 41 Hoa-Irit thơm             | (E)-4-(2,6,6-trimetylxyclohex-1-en-1-yl)but-3-en-2-on, (E)-4-(2,6,6-trimetylxyclohex-2-en-1-yl)but-3-en-2-on, (E)-4-(2,5,6,6-tetrametylxyclohex-2-en-1-yl)but-3-en-2-on, (E)-3-metyl-4-(2,6,6-trimetylxyclohex-2-en-1-yl)but-3-en-2-on, (Z)-3,4,5,6,6-pentametylhept-3-en-2-on, chất tái tạo irit thơm, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 42 Hoa-Hoa hồng              | 3,7-dimetyloct-6-en-1-ol, 3,7-dimetyloct-6-en-1-yl axetat, chất tái tạo hoa hồng damask, 2-metyl-1-phenylpropan-2-yl axetat, 2-metyl-1-phenylpropan-2-yl butanoat, oxydibenzen, (E)-3,7-dimetylocta-2,6-dien-1-ol, chất tái tạo dầu phong lữ, (E)-3,7-dimetylocta-2,6-dien-1-yl axetat, 2,4-dimetyl-4,4a,5,9b-tetrahydroindenol[1,2-d][1,3]dioxin, (2Z)-3,7-dimetylocta-2,6-dien-1-ol, (Z)-3,7-dimetylocta-2,6-dien-1-yl axetat, 3,7-dimetyloctan-1-ol, 2-xyclohexyliden-2-phenylaxetonitril, 2-xyclohexyliden-2-(o-tolyl)axetonitril, 2-phenyletyl axetat, 2-phenyletanol, 2-phenyletyl 2-phenylaxetat, 2,2-dimetyl-2-phenyletyl propionat 2,2,2-triclo-1-phenyletyl axetat, hoặc các hỗn hợp của chúng; |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 43 Hoa-Năng                  | pentyl 2-hydroxybenzoat, benzyl 2-hydroxybenzoat, xyclohexyl 2-hydroxybenzoat, (Z)-hex-3-en-1-yl 2-hydroxybenzoat, hexyl 2-hydroxybenzoat, chất tái tạo dầu ngọc lan tây, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                               |
| 44 Trái cây-Táo              | 2-(tert-butyl)xyclohexyl axetat, chất tái tạo dầu táo, diethyl propandioat, ethyl 3-oxobutanoat, ethyl 2-methylbutanoat, ethyl 2-(2-methyl-1,3-dioxolan-2-yl)axetat, (E)-hex-2-enal, isopropyl 2-methylbutanoat, (Z)-hex-3-en-1-yl methyl carbonat, ethyl 2-methylpentanoat, chất tái tạo dầu táo xanh, hoặc các hỗn hợp của chúng |
| 45 Trái cây-Chuối            | butyl axetat, (3aR,6S,7aS)-3a,4,5,6,7,7a-hexahydro-1H-4,7-metanoin-6-yl propionat, 3-methylbutyl axetat, 3-methylbutyl butanoat, (3aR,6S,7aS)-3a,4,5,6,7,7a-hexahydro-1H-4,7-metanoin-6-yl axetat, 6-methylhept-5-en-2-on. 3-methylbut-2-en-1-yl axetat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                |
| 46 Trái cây-Phúc bồn đen     | chất tái tạo dầu phúc bồn đen, (3E,6E)-2,4,4,7-tetramethylnona-6,8-dien-3-on oxim, 2-(4-methylxyclohex-3-en-1-yl)propan-2-thiol, 5-methyl-2-(2-methylethyl)-xyclohexanon, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                               |
| 47 Trái cây-Mứt              | (E)-1-(2,6,6-trimethylxyclohexa-1,3-dien-1-yl)but-2-en-1-on                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 48 Trái cây-Mứt              | (E)-1-(2,6,6-trimethylxyclohex-2-en-1-yl)but-2-en-1-on                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 49 Trái cây-Mứt              | (E)-1-(2,6,6-trimethyl-1-xyclohexenyl)but-2-en-1-on                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 50 Trái cây-Mứt              | 1-(2,6,6-trimethyl-1-xyclohex-3-enyl)but-2-en-1-on                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 51 Trái cây-Mứt              | ethyl 2-ethyl-6,6-dimethylxyclohex-2-encarboxylat                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 52 Trái cây-Dừa              | 6-pentyltetrahydro-2H-pyran-2-on, (E)-6-(pent-3-en-1-yl)tetrahydro-2H-pyran-2-on, 8-methyl-1-oxaspiro[4.5]decan-2-on, 6-propyltetrahydro-2H-pyran-2-on, 5-pentylidihydrofuran-2(3H)-on, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                 |
| 53 Trái cây-Rượu             | ethyl octanoat, ethyl propionat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 54 Trái cây-Dưa hấu          | 2,6-dimethylhept-5-enal                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 55 Trái cây-Nấm              | 1-(3,3-dimethylxyclohexyl)ethyl format                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 56 Trái cây-Quả hạch         | (E)-5-methylhept-2-en-4-on                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 57 Trái cây-Chanh dây        | 2-metyl-4-propyl-1,3-oxathian                                                                                                                                                                                                                    |
| 58 Trái cây-Đào              | 5-hexyloxolan-2-on, 5-heptyldihydrofuran-2(3H)-on, 2,2,5-trimetyl-5-pentylxyclopentanon, hoặc các hỗn hợp của chúng;                                                                                                                             |
| 59 Trái cây-Lê               | hexyl 2-metylbutanoat, etyl axetat, (2E,4Z)-etyl deca-2,4-dienoat, (Z)-hex-3-en-1-yl axetat, hexyl axetat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                            |
| 60 Trái cây-Dừa              | allyl caproat, allyl xyclohexylpropionat, allyl heptanoat, pentyl buanoat, etyl hexanoat, etyl heptanoat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                             |
| 61 Trái cây-Mâm xôi          | 4-(4-hydroxyphenyl)butan-2-on                                                                                                                                                                                                                    |
| 62 Trái cây-Dâu tây          | etyl butanoat, etyl 3-phenyloxiran-2-carboxylat, methyl 3-phenylprop-2-enoat, etyl methyl phenyl glyxidat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                            |
| 63 Xanh-Dừa chuột            | (E)-4-metyldec-3-en-5-ol                                                                                                                                                                                                                         |
| 64 Xanh-Kẹo cao su thơm      | prop-2-enyl 2-(3-metylbutoxy)axetat, (2-(isopentyloxy)etyl)benzen, allyl 2-(xyclohexyloxy)axetat, 1-(5,5-dimethylxyclohex-1-en-1-yl)pent-4-en-1-on, 2-xyclohexylhepta-1,6-dien-3-on, hoặc các hỗn hợp của chúng                                  |
| 65 Xanh-Cỏ                   | hexan-1-ol, (Z)-hex-3-en-1-ol, (Z)-hex-3-en-1-yl 2-metylpropanoat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                    |
| 66 Xanh-Lá                   | hexanal, 2,4-dimethylxyclohex-3-en-1-carbaldehyt, hexyl benzoat, 2,4,6-trimethylxyclohex-3-encarbaldehyt, bixyclo[2.2.2]oct-5-en-2-carboxaldehyt, (E)-5-methylheptan-3-on oxim, 2,4-dimethylxyclohex-3-encarbaldehyt, hoặc các hỗn hợp của chúng |
| 67 Xanh-Kim loại             | 4-metyl-2-(2-metylprop-1-en-1-yl)tetrahydro-2H-pyran, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                 |
| 68 Xanh-Đại hoàng            | 1-phenyletyl axetat, 2,4-dimetyl-4-phenyltetrahydrofuran, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                             |
| 69 Xanh-Vi ô lét             | (E)-non-2-enal, methyl non-2-ynoat, (E)-metyl non-2-enoat, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                            |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 70 Xạ hương                  | (Z)-oxaxycloheptadec-10-en-2-on, (Z)-3-metylxycloheptadec-5-enon, 1,4-dioxaxycloheptadecan-5,17-dion, (E)-oxaxyclohexadec-12-en-2-on, 1a,3,3,4,6,6-hexametyl-1a,2,3,4,5,6,7,7a-octahydronaphtho[2,3-b]oxiren, (E)-13-metyloxaxyclopentadec-10-en-2-on, 2-(1-(3,3-dimetylxyclohexyl)etoxy)-2-metylpropyl xyclopropanecarboxylat, xyclopentadecanon, hexadecanolit, (E)-2-((3,5-dimetylhex-3-en-2-yl)oxy)-2-metylpropyl xyclopropanecarboxylat, oxaxyclohexadecan-2-on, (Z)-3-metylxyclopentadec-5-enon, hoặc các hỗn hợp của chúng |
| 71 Cay-Quế                   | octyl format                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 72 Cay-Đinh hương            | dầu đinh hương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 73 Cay-Đinh hương            | 2-metoxi-4-propylphenol                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 74 Cay-Đinh hương            | 4-allyl-2-metoxi-phenol                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 75 Cay-Đinh hương            | 4-allyl-2-metoxi-phenyl axetat                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 76 Cay-Đinh hương            | (E)-2-metoxi-4-(prop-1-en-1-yl)phenol                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 77 Cay-Nhựa copaiba          | (Z)-4,11,11-trimetyl-8-metylenbixiclo[7.2.0]undec-4-en                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 78 Ngọt-Hạnh nhân            | benzaldehyt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 79 Ngọt-Nhựa thơm            | (E)-3-phenylprop-2-en-1-ol                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 80 Ngọt-Bơ                   | 3-hydroxybutan-2-on, 2,3-pentadion, 1-butoxy-1-oxopropan-2-yl butanoat, axit decenoic, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 81 Ngọt-Cacao                | chất tái tạo sôcôla đen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 82 Ngọt-Đường chung          | 2-etyl-3-hydroxy-4H-pyran-4-on, 2-etyl-4-hydroxy-5-metylfuran-3(2H)-on, 3-hydroxy-2-metyl-4, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 83 Ngọt-Vòi voi              | 4-metoxibenzaldehyt, benzo[d][1,3]dioxol-5-carbaldehyt, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 84 Ngọt-Kem sữa              | 4-etyl-5-metylthiazol-2-ol, 2-(4-metyl-1,3-thiazol-5-yl)etanol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 85 Ngọt-Mật đường            | 3-hydroxy-4,5-dimetylfuran-2(5H)-on, 2-hydroxy-3-metylxyclopent-2-enon, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 86 Ngọt-Đậu tonka            | octahydro-2H-cromen-2-on                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 87 Ngọt-Đậu tonka            | 2H-cromen-2-on                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| Thành phần trong bảng 4 và 5 | Lựa chọn thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 88 Ngọt-Đậu tonka            | 4-methylbenzaldehyt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 89 Ngọt-Vani                 | 3-etoxy-4-hydroxybenzaldehyt, 2-metoxyphephenol, 4-formyl-2-metoxyphephenyl 2-methylpropanoat, 4-hydroxy-3-metoxyphephenaldehyt, 3,4-dimetoxyphephenaldehyt, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 90 Nước-Nước biển            | 2,6,10-trimetylundec-9-enal, 7-isopentyl-2H-benzo[b][1,4]dioxepin-3(4H)-on, 8-metyl-1,5-benzodioxepin-3-on, 1-metyl-4-(4-metylpent-3-en-1-yl)xyclohex-3-encarbaldehyt, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 91 Gỗ-Gỗ tuyết tùng          | 4-(tert-butyl)xyclohexyl axetat, (1S,6R,8aR)-1,4,4,6-tetrametyloctahydro-1H-5,8a-metanoazulen-6-ol, (1S,6R,8aR)-1,4,4,6-tetrametyloctahydro-1H-5,8a-metanoazulen-6-yl axetat, (1R,6S,8aS)-6-metoxyl-1,4,4,6-tetrametyloctahydro-1H-5,8a-metanoazulen, 2-(tert-pentyl)xyclohexyl axetat, 1-(2,3,8,8-tetrametyl-1,2,3,4,5,6,7,8-octahydronaphthalen-2-yl)etanon, 1-(2,3,8,8-tetrametyl-1,2,3,4,5,6,7,8-octahydronaphthalen-2-yl)etanon, 1-((1S,8aS)-1,4,4,6-tetrametyl-2,3,3a,4,5,8-hexahydro-1H-5,8a-metanoazulen-7-yl)etanon, hoặc các hỗn hợp của chúng |
| 92 Gỗ-Rêu                    | metyl 2,4-dihydroxy-3,6-dimetylbenzoat                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 93 Gỗ-Hoặc hương             | dầu hoặc hương, 1,1,2,3,3-pentametyl-2,3,6,7-tetrahydro-1H-inden-4(5H)-on, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 94 Gỗ-Gỗ đàn hương           | (E)-3-metyl-5-(2,2,3-trimetylxyclopent-3-en-1-yl)pent-4-en-2-ol, (1-metyl-2-((1,2,2-trimetylbixyclo[3.1.0]hexan-3-yl)metyl)xyclopropyl)metanol, 3,4,5,6,6-pentametylheptan-2-ol, (E)-2-etyl-4-(2,2,3-trimetylxyclopent-3-en-1-yl)but-2-en-1-ol, 3-metyl-5-(2,2,3-trimetylxyclopent-3-en-1-yl)pentan-2-ol, hoặc các hỗn hợp của chúng                                                                                                                                                                                                                     |
| 95 Gỗ-Cỏ hương bài           | dầu cỏ hương bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

Bảng 6: Thành phần sử dụng trong các chế phẩm nước hoa thử nghiệm 1 đến 18

Ví dụ 3: Thiếu tương quan giữa nhận thức hài lòng và ưa thích/nồng độ

Để xác nhận rằng tác động lên sự hài lòng không được kết hợp với sự ưa thích và/hoặc nồng độ của chế phẩm nước hoa thử nghiệm, phân tích thành phần chính được thực hiện trên các đánh giá riêng biệt của những người đánh giá về sự ưa thích và nồng độ (Ví dụ 1, phần B), và điểm hài lòng (Ví dụ 1, phần C). Các hệ số tương quan tương ứng được báo cáo trên Bảng 7:

|             | Sự ưa thích | Cường độ | Sự hài lòng |
|-------------|-------------|----------|-------------|
| Sự ưa thích | 1,0         |          |             |
| Nồng độ     | 0,21        | 1,0      |             |
| Sự hài lòng | -0,05       | -0,07    | 1,0         |

Bảng 7: Ma trận tương quan liên quan đến sự ưa thích nước hoa, nồng độ nước hoa và điểm hài lòng

Như có thể thấy từ Bảng 7, điểm hài lòng không tương quan với các mức thay đổi sự ưa thích nước hoa từ người đánh giá này sang người đánh giá khác cũng không tương quan với mức thay đổi nhận thức nồng độ nước hoa từ người đánh giá này sang người đánh giá.

### Yêu cầu bảo hộ

1. Phương pháp đánh giá tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng của đối tượng con người bằng cách thực hiện các bước:

a) cho một hoặc nhiều đối tượng con người đánh giá sự hài lòng của họ khi không có chế phẩm nước hoa thử nghiệm bằng cách cho điểm nhiều thuộc tính hài lòng;

i) trong đó các thuộc tính hài lòng bao gồm "không lo âu", "không buồn", "không bồn chồn", "không nản lòng", "không căng thẳng", "vui sướng", "lạc quan", "phấn khích", "thỏa mãn", "kích thích", "được tiếp sinh lực", "thích thú", "không buồn chán", "không mệt mỏi", "hoạt bát tinh thần", "thanh thản", "thoải mái", và "kiên nhẫn"; và

ii) trong đó mỗi thuộc tính hài lòng có một trọng số;

b) tính điểm hài lòng cơ sở khi không có chế phẩm nước hoa thử nghiệm bằng cách nhân điểm của mỗi thuộc tính hài lòng với trọng số tương ứng để tạo ra tích số và tính tổng các tích số này trên tất cả các thuộc tính hài lòng;

c) lặp lại các bước a) và b) với sự có mặt của chế phẩm nước hoa thử nghiệm để xác định điểm hài lòng với chế phẩm nước hoa thử nghiệm; và

d) xác định tác động của chế phẩm nước hoa thử nghiệm lên sự hài lòng bằng cách trừ điểm hài lòng cơ sở từ điểm hài lòng với chế phẩm nước hoa thử nghiệm, trong đó các trọng số của các thuộc tính hài lòng là như sau:

| thuộc tính hài lòng | trọng số |
|---------------------|----------|
| "không lo âu"       | 10,65%   |
| "không buồn"        | 10,32%   |
| "không bồn chồn"    | 9,84%    |
| "không nản lòng"    | 9,65%    |
| "không căng thẳng"  | 7,54%    |

|                      |       |
|----------------------|-------|
| “vui sướng”          | 4,70% |
| “lạc quan”           | 4,61% |
| “phân khích”         | 4,13% |
| “thỏa mãn”           | 3,91% |
| “kích thích”         | 3,34% |
| “được tiếp sinh lực” | 3,31% |
| “thích thú”          | 6,12% |
| “không buồn chán”    | 5,88% |
| “không mệt mỏi”      | 4,59% |
| “hoạt bát tinh thần” | 4,41% |
| “thanh thản”         | 2,66% |
| “thoải mái”          | 2,24% |
| “kiên nhẫn”          | 2,10% |

2. Phương pháp điều chế hoặc tối ưu hóa chế phẩm nước hoa để tăng cường sự hài lòng của đối tượng con người, phương pháp này bao gồm các bước:

a-d) xác định tác động của một hoặc nhiều chế phẩm nước hoa lên sự hài lòng của đối tượng con người theo phương pháp theo điểm 1 hoặc 2; và

e) lựa chọn chế phẩm nước hoa có tác động tích cực lên sự hài lòng.

3. Phương pháp theo điểm 2, còn bao gồm các bước:

f) so sánh các thành phần nước hoa có trong chế phẩm nước hoa này có tác động tích cực lên sự hài lòng;

g) nhận biết các thuộc tính mùi chung với chế phẩm nước hoa này; và

h) tạo ra chế phẩm nước hoa mới với tỷ lệ gia tăng của các thành phần nước hoa có các thuộc tính mùi nhận biết trong bước g).

4. Phương pháp theo điểm 3, trong đó trong bước h), tỷ lệ của một hoặc nhiều thành phần nước hoa có các thuộc tính mùi được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, “trái cây-mứt”, “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh” và “cay-đỉnh hương” được gia tăng.

5. Phương pháp theo điểm 4, trong đó trong bước h), tỷ lệ của một hoặc nhiều thành phần nước hoa có các thuộc tính mùi được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc” và “trái cây-mứt”, được gia tăng.

6. Phương pháp theo điểm 2, trong đó chế phẩm nước hoa chứa các thành phần nước hoa từ ít nhất ba nhóm, mỗi nhóm có một thuộc tính mùi khác nhau, trong đó các thuộc tính mùi của các nhóm được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc”, “trái cây-mứt”, “cay-quế”, “ngọt-đậu tonka”, “chanh-chanh xanh” và “cay-đỉnh hương”.

7. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa các thành phần nước hoa từ ít nhất ba nhóm, mỗi nhóm có một thuộc tính mùi khác nhau, trong đó các thuộc tính mùi của các nhóm được chọn từ nhóm gồm “chanh-quýt”, “chanh-cam”, “hoa-hoa cam”, “động vật-phân”, “hoa-thuốc” và “trái cây-mứt”.

8. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa:

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-cam” với nồng độ từ 0,1 đến 25% khối lượng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-chanh xanh” với nồng độ từ 0,05 đến 5% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-quýt” với nồng độ từ 0,05 đến 5% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “ngọt-đậu tonka” với nồng độ từ 0,05 đến 1% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “trái cây-mút” với nồng độ từ 0,01 đến 1% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-hoa cam” với nồng độ từ 0,01 đến 1% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-thuốc cam” với nồng độ từ 0,01 đến 1,0% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-đinh hương” với nồng độ từ 0,005 đến 0,7% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “động vật-phân” với nồng độ từ 0,005 đến 0,07% khối lượng; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-quế” với nồng độ từ 0,0001 đến 0,05% khối lượng.

9. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa:

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-cam”, được chọn từ nhóm gồm các dầu cam và chất tái tạo dầu cam; và/hoặc
- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-chanh xanh”, được chọn từ nhóm gồm (4-metyl-1-isopropylbenzen) (xymentol), dầu thanh yên, (1,1-dietoxy-3,7-dimetylocta-2,6-dien) (xitrathal R), (3,7,7-trimetylbicyclo[4.1.0]hept-3-en) (delta-3-carene), (1-metyl-4-(prop-1-en-2-yl)cyclohex-1-en) (dipenten), dầu trám, nhựa trám ở nồng độ 50% trong benzyl benzoat, dầu pha chanh vàng tươi, diệp xanh, dầu chanh

xanh chung cất, dầu chanh xanh được ép, oxit chanh xanh, chất tái tạo terpen chanh xanh, ((E)-3,7-dimetylocta-1,3,6-trien) (oximen), (1-metyl-4-propan-2-ylxyclohexa-1,3-dien) (terpinen alpha), (1-metyl-4-propan-2-ylxyclohexa-1,4-dien) (terpinen gama), (2-(4-metyl-3-xyclohexen-1-yl)-2-propanol) (terpineol) và (1-metyl-4-propan-2-ylidenxyclohexen) (terpinolen), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-quýt”, được chọn từ nhóm gồm dầu quýt đường, (metyl 2-metylaminobenzoat) (dimetyl antranilat), dầu quýt, dầu quýt không màu, dầu quýt xanh, dầu quýt vàng, dầu pha quýt, dầu me, chất tái tạo dầu me, dầu quýt đỏ cam, chất tái tạo dầu quýt đỏ cam, ((E)-6,10-dimetylundeca-5,9-dien-2-yl axetat) (tangerinol), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “ngọt-đậu tonka”, được chọn từ nhóm gồm (3,4,4a,5,6,7,8,8a-octahydrocromen-2-on) (bixyclo nonalacton), (cromen-2-on) (coumarin), và (4-metylbenzaldehyt) (tolyl aldehyt para), chất tái tạo coumarin, dầu hoàng hoa, chất tái tạo dầu hoàng hoa, dầu cỏ khô, tinh chất cỏ khô, (3,6-dimetyl-3a,4,5,6,7,7a-hexahydro-3H-benzofuran-2-on) (koumalacton), tinh chất thực quỳ, tinh chất nhựa ruồi, chất tái tạo nhựa ruồi, (5-butyl-4-metyloxolan-2-on) (metyl octalacton), ((E)-dec-9-en-1-yl 3-(2-hydroxyphenyl)acrylat) (tonkarose), tinh chất vùng rang, tinh chất lá thuốc lá, tinh chất tonka, tinh chất tonka không màu, dầu đậu tonka, (1-(4-metoxypheyl)etanon) (axetanisol), (1-phenyletanon) (acetophenone extra), (4-metoxybenzaldehyt) (aldehyt anisic), ((4-metoxyphenyl)metanol) (rượu anisylic), (4-metoxybenzaldehyt) (aubepin para cresol), (1,4-dimetoxibenzen) (dimethyl hydroquinone crystals), (benzo[d][1,3]dioxol-5-carbaldehyt) (heliotropine crystals), (2-phenylpropanal) (aldehyt hydratropic), (1-(p-tolyl)etanon) (metyl

axetophenon), tinh chất cây xấu hổ, (3,4-dimethoxybenzaldehyt) (aldehyt veratryl), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- bao gồm một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “trái cây-mứt”, được chọn từ nhóm gồm (ethyl 2,6,6-trimethylxyclohexa-1,3-dien-1-carboxylat) (cristalon), (ethyl 2-ethyl-6,6-dimethylxyclohex-2-en-1-carboxylat) (givescon), ((E)-1-(2,6,6-trimethylxyclohexa-1,3-dien-1-yl)but-2-en-1-on) (damascenon), ((E)-1-(2,6,6-trimethyl-1-xyclohex-2-enyl)but-2-en-1-on) (damascon alpha), ((E)-1-(2,6,6-trimethyl-1-xyclohexenyl)but-2-en-1-on) (damascon beta), (1-(2,6,6-trimethyl-1-xyclohex-3-enyl)but-2-en-1-on) (damascon delta), và ((2E,5Z)-5,6,7-trimetylocta-2,5-dien-4-on) (pomarose), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-hoa cam”, được chọn từ nhóm gồm chất tái tạo dầu hoa cam, (methyl 2-aminobenzoat) (methyl antranilat), (1-naphthalen-2-yletanon) (oranger crystals), dầu hoa nhài tây, và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “hoa-thuốc”, được chọn từ nhóm gồm (2-metoxynaphtalen) (yara yara), (1-methoxy-4-methylbenzen) (cresyl methyl ether para), ethyl benzoat, ethyl salixylat, methyl benzoat, methyl salixylat, chất tái tạo dầu hoa huệ, và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-đinh hương”, được chọn từ nhóm gồm ((2-methoxy-4-prop-2-enylphenyl) axetat) (eugenyl axetat), (2-methoxy-4-prop-1-en-2-ylphenol axetat) (axetyl isoeugenol), dầu lá đinh hương thô, không màu và được tinh chế, (2-methoxy-4-propylphenol) (dihydro eugenol), (2-methoxy-4-prop-2-enylphenol) (eugenol), và (2-methoxy-4-prop-1-en-2-ylphenol) (isoeugenol), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “động vật-phân”, được chọn từ nhóm gồm indol và (8,8-bis(1H-indol-3-yl)-2,6-dimetyloctan-2-ol) (indolen), (4,4a,5,9b-tetrahydroindeno[1,2-d][1,3]dioxin) (indoflor), và các hỗn hợp của chúng; và/hoặc

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “cay-quế”, được chọn từ nhóm gồm (3-phenylprop-2-enal) (aldehyt xinamic), ((E)-3-phenylprop-2-ennitril) (xinamalva), dầu vỏ quế; ((Z)-2-metyl-3-phenylacrylaldehyt) (aldehyt metyl xinamic), và các hỗn hợp của chúng.

10. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa:

- một hoặc nhiều thành phần nước hoa có thuộc tính mùi “chanh-cam”, được chọn từ nhóm gồm dầu thô cam Brazil, dầu bưởi chùm, dầu cam, dầu cam đắng, dầu cam đỏ; dầu cam không màu, phần cô đặc dầu cam, tinh chất cam, terpen cam, dầu pha cam đắng, dầu bưởi lai quýt, cacbonyl và aldehyt cam tự nhiên, và các hỗn hợp của chúng.

11. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa indol kết hợp với ít nhất năm thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (5-hexyloxolan-2-on) (decalacton gama), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenol-3-cis), (4-(2,6,6-trimetylxyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat) và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure); hoặc ít nhất năm thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (5-heptyloxolan-2-on) (xitronelol), (1,4-dioxaxycloheptadecan-5,17-dion) (etylen brasylat), benzyl axetat, (metyl 3-oxo-2-pentylxyclopentanaxetat) (hedion), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (1-(2,3,8,8-tetrametyl-1,3,4,5,6,7-hexahydronaphtalen-2-yl)etanon) (iso e super), rượu phenyl etylic, etyl vanilin, và vanilin.

12. Phương pháp theo điểm 11, trong đó chế phẩm nước hoa chứa indol kết hợp với ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (5-hexyloxolan-2-on) (decalacton gama), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenol-3-cis), (4-(2,6,6-trimetylcyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat) và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure); hoặc ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (5-heptyloxolan-2-on) (xitronelol), (1,4-dioxacycloheptadecan-5,17-dion) (etylen brasylat), benzyl axetat, (metyl 3-oxo-2-pentylcyclopentanaxetat) (hedion), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (1-(2,3,8,8-tetrametyl-1,3,4,5,6,7-hexahydronaphtalen-2-yl)etanon) (iso e super), rượu phenyl etylic, etyl vanilin, và vanilin.

13. Phương pháp theo điểm 6, trong đó chế phẩm nước hoa chứa damascenon kết hợp với ít nhất năm thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenyl-3-cis axetat), ((4-(2,6,6-trimetylcyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat), và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure).

14. Phương pháp theo điểm 12, trong đó chế phẩm nước hoa chứa damascenon kết hợp với ít nhất sáu thành phần nước hoa được chọn từ nhóm gồm (3,7-dimetyloct-6-en-1-ol) (xitronelol), (1-phenyletyl axetat) (gardenol), ((Z)-hex-3-en-1-ol) (hexenyl-3-cis axetat), ((4-(2,6,6-trimetylcyclohexen-1-yl)but-3-en-2-on) (ionon beta), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol) (linalool), (3,7-dimetylocta-1,6-dien-3-ol axetat) (linalyl axetat), và (5-heptyloxolan-2-on) (peach pure).